

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2016

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2017



EVNPECC3

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
POWER ENGINEERING CONSULTING JOINT STOCK COMPANY 3**

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Tên công ty: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3
Năm báo cáo: Năm 2016

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0301475102 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp lần đầu ngày 17/11/2007 và đăng ký thay đổi lần 7 ngày 29/7/2016.
- Vốn điều lệ: 40.571.640.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 40.571.640.000 đồng.
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 7, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.
- Số điện thoại: 08.22211169
- Số fax: 08.39307938
- Website: www.pecc3.com.vn
- Mã cổ phiếu: TV3



Trụ sở Công ty

2. Quá trình hình thành và phát triển

- Tiền thân của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là Phòng Thiết kế điện trực thuộc Công ty Điện lực miền Nam (1975), do nhu cầu phát triển nguồn và lưới điện nên ngày 13/02/1979 Bộ Điện và Than đã có QĐ số: 04/ĐT/TCCB thành lập Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thay thế cho Phòng Thiết kế điện của Công ty Điện lực miền Nam. Đến ngày 7/5/1986 Bộ Điện Lực có QĐ số: 128/ĐL/TCCB cho đổi tên Phân viện Quy hoạch thiết kế điện thành Trung tâm Năng lượng trực thuộc Công ty Điện lực 2 (tên mới của Công ty Điện lực Miền Nam).
- Năm 1995, ngay sau khi thành lập Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Trung tâm Năng lượng được tách từ Công ty Điện lực 2 chuyển về trực thuộc Tổng Công ty Điện lực Việt Nam theo QĐ số: 429/ĐVN-TCCB-LĐ ngày 24/6/1995.
- Ngày 07/4/1999 theo QĐ số: 17/1999/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp, quyết định chuyển Trung tâm Năng lượng thành Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.
- Ngày 26/01/2007 theo QĐ số: 335/QĐ-BCN của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp phê duyệt phương án và chuyển Công ty Tư vấn xây dựng điện 3 thành Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.
- Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên sàn giao dịch chứng khoán tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội. Phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên của Công ty đã được thực hiện ngày 01 tháng 12 năm 2009.
- Trải qua hơn 37 năm xây dựng và phát triển, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 không ngừng lớn mạnh, luôn hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ được giao, nhờ đó đã được Nhà nước tặng 01 Huân chương Độc lập hạng Nhì, 01 Huân chương Độc lập hạng Ba, 01 Huân chương Lao động hạng Nhất, 01 Huân chương Lao động hạng Nhì và nhiều bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Công thương và Tập đoàn Điện lực Việt Nam.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- a) Lập qui hoạch phát triển điện lực các huyện, tỉnh, thành phố và qui hoạch phát triển các dự án nhà máy điện: thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, và năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt).
- b) Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư, hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu các dự án nhà máy thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân, năng lượng tái tạo; dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án đường dây tải điện và trạm biến áp.

- c) Khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn xây dựng công trình nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp, công trình dân dụng và công nghiệp.
- d) Thiết kế, lập tổng dự toán công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp); công trình thủy lợi, thủy điện (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông); thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc và thiết kế kết cấu các công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình giao thông cầu - đường bộ;
- đ) Thẩm định dự án đầu tư, thẩm định thiết kế, thẩm định tổng dự toán và hồ sơ mời thầu... các dự án xây dựng nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp và công trình dân dụng và công nghiệp.
- e) Giám sát thi công xây dựng các công trình thủy lợi, công trình thủy điện, nhiệt điện, điện hạt nhân và năng lượng tái tạo; công trình dân dụng và công nghiệp, đường dây tải điện và trạm biến áp.
- g) Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp.
- h) Giám sát thi công và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật và công trình giao thông cầu - đường bộ;
- i) Giám sát công tác khảo sát địa chất, địa hình, thủy văn các công trình xây dựng nhà máy điện, lưới điện dân dụng và công nghiệp.
- k) Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nhà máy điện, lưới điện, dân dụng và công nghiệp.
- l) Thi công khoan phụt bê tông, khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng.
- m) Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất.
- n) Thí nghiệm đất, đá, cát, nước, bê tông, thép và các loại vật liệu xây dựng khác.
- o) Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, năng lượng tái tạo và các công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp.
- p) Kiểm định chất lượng công trình xây dựng, chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng các công trình xây dựng.
- q) Đo đạc bản đồ địa hình, địa chất, và vẽ bản đồ địa chính, chuyên ngành, Atlas...
- r) Khảo sát, lập dự án đầu tư, thiết kế công trình viễn thông.

- s) Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường, di dân tái định cư, đo đạc giải thửa, đền bù giải phóng mặt bằng công trình nhà máy điện, lưới điện, công trình dân dụng và công nghiệp.
- t) Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp.
- u) Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- v) Kinh doanh bất động sản.

- Địa bàn kinh doanh:

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có địa bàn kinh doanh trên toàn lãnh thổ (bao gồm cả đảo) của nước Việt Nam và một số nước trong khu vực Đông Nam Á như Lào, Cam Pu Chia ...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 có cơ cấu tổ chức như sau:

- Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và ban Tổng Giám đốc
- Khối các đơn vị quản lý gồm 3 đơn vị là: phòng Tổ chức - nhân sự; phòng Kế hoạch - kinh doanh và phòng Tài chính - kế toán;
- Khối các phòng phục vụ và quản lý kỹ thuật gồm các đơn vị: Văn phòng Công ty, phòng Kỹ thuật & quản lý chất lượng, phòng Công nghệ thông tin.
- Khối các phòng trực tiếp sản xuất gồm các đơn vị: Phòng Thiết kế trạm, phòng Thiết kế đường dây, phòng Tư vấn đền bù, phòng Môi trường, Trung tâm Nhiệt điện và Điện hạt nhân, phòng Thiết kế thủy điện, phòng Năng lượng tái tạo, Ban Tư vấn giám sát thủy điện Xekaman.
- Khối các đơn vị trực thuộc Công ty (Chi nhánh công ty).
 - + Chi nhánh Xí nghiệp Khảo sát và xây dựng điện.

Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm - Phường 7 - Quận 3 - TP. Hồ Chí Minh

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện, nhiệt điện, công trình đường dây tải điện, trạm biến áp và các công trình xây dựng. Thi công khoan cọc bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến áp).

+ Chi nhánh miền Trung:

Địa chỉ: Đường 23 tháng 10 - Phường Vĩnh Hiệp - TP. Nha Trang - tỉnh Khánh Hòa.

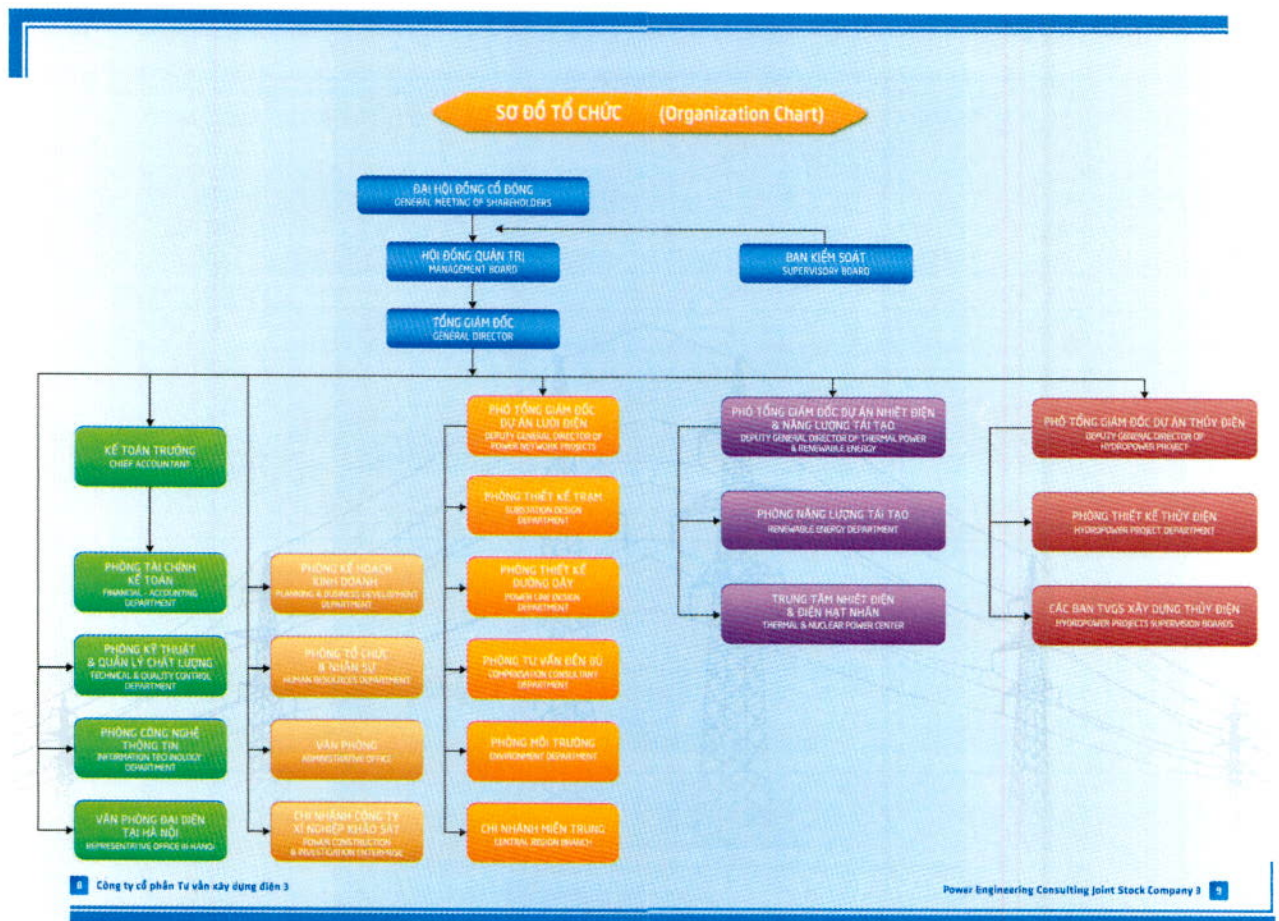
Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư. Lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các

nhà máy điện (thủy điện, nhiệt điện, nguồn và lưới điện) dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt) dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường. Lập tổng dự toán các công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nguồn và lưới điện, các công trình xây dựng dân dụng. Đo đạc khảo sát địa hình xây dựng công trình truyền tải điện. Thiết kế các công trình điện năng, công trình thủy lợi. Giám sát thi công xây lắp các công trình dân dụng và công nghiệp.

+ Văn phòng đại diện tại Hà Nội

Địa chỉ: Phòng 233 khách sạn Bình Minh, 27 Lý Thái Tổ, Quận Hoàn Kiếm, TP Hà Nội.

Lĩnh vực hoạt động: Thay mặt Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giao dịch với khách hàng.



Sơ đồ tổ chức Công ty

5. Định hướng phát triển.

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

+ Tầm nhìn: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 sẽ trở thành nhà cung cấp dịch vụ tư vấn xây dựng công trình năng lượng và công nghiệp uy tín, chuyên nghiệp tại Việt Nam và Khu vực.

+ Sứ mệnh: Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 cung cấp giải pháp xây dựng hiệu quả và dịch vụ hỗ trợ kỹ thuật chuyên nghiệp với đội ngũ có năng lực cao, tinh thần đồng đội, góp phần phát triển kinh tế đất nước.

+ Năng lực cốt lõi: Đội ngũ có kiến thức chuyên môn sâu, tư duy sáng tạo, trách nhiệm và tinh thần đồng đội cao. Ứng dụng hiệu quả các mô hình và công nghệ. Quản lý thực hiện dự án tốt.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

+ Tăng trưởng doanh thu hợp lý. Nghiên cứu việc mở rộng thị trường ra các nước Lào và Cam Pu Chia.

+ Đa dạng loại hình dịch vụ cung cấp, đa dạng khách hàng. Tăng dần tỷ trọng khách hàng ngoài ngành, tăng mức nhận biết thương hiệu TV3 với các khách hàng ngoài ngành.

+ Tham gia thiết kế các công trình điện theo hình thức EPC.

+ Tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp tư vấn trong ngành Điện nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh với các công ty tư vấn ngoài ngành và ngoài nước.

+ Áp dụng hiệu quả các hệ thống quản lý: phát triển thị trường, chăm sóc khách hàng, quản lý dự án, quản lý tri thức. Phát triển năng lực đội ngũ, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, trình độ ngoại ngữ của người lao động trong. Từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

+ Tham gia góp vốn đầu tư vào các dự án thủy điện, nhiệt điện, phong điện

c) Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.

Để phát triển bền vững, công ty hướng đến việc thực hiện các mục tiêu và chương trình cụ thể sau

+ Phát triển danh mục sản phẩm dịch vụ mới trong đó tập trung vào các mảng: Nhiệt điện, lưới điện, năng lượng tái tạo và các công trình hạ tầng cơ sở và các công trình công nghiệp khác

+ Phát triển thị trường theo hướng tiếp tục chiếm lĩnh thị trường truyền thống, đồng thời mở rộng sang thị phần khách hàng ngoài ngành năng lượng, đặc biệt chú ý đến các nhà đầu tư lớn cho các công trình công nghiệp. Các sản phẩm trọng tâm được chuyển dịch tỷ trọng theo hướng tăng dần ở mảng năng lượng tái tạo,

nhiệt điện và dịch vụ kỹ thuật hỗ trợ. Đồng thời mở rộng thị trường sang các nước lân cận như Lào, Cam Pu Chia...

+ Nghiên cứu, hợp tác để cung cấp gói sản phẩm dịch vụ trọn gói.

+ Tiếp tục công tác tái cấu trúc nội bộ, trong đó trọng tâm là sắp xếp lại cơ cấu tổ chức của công ty theo hướng hiện đại - tinh gọn - hiệu quả.

+ Nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ, nâng cao chất lượng quản lý doanh nghiệp thông qua các chương trình ứng dụng quy trình quản lý hiện đại, đào tạo huấn luyện nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ công nhân viên, người lao động ...

+ Xây dựng văn hóa doanh nghiệp, nêu cao tinh thần trách nhiệm, gắn liền chất lượng công việc với đãi ngộ để đảm bảo thu hút và giữ chân được người lao động giỏi.



6. Các rủi ro:

- Công tác quy hoạch phát triển điện có sự vênh nhau giữa quy hoạch phát triển điện quốc gia và quy hoạch điện ở các tỉnh. Việc này sẽ dẫn đến các rủi ro và khó khăn khi tham gia tư vấn cho các dự án.

- Công tác quy hoạch phát triển điện và quy hoạch sử dụng đất của các địa phương chưa đồng bộ, dẫn đến rủi ro trong công tác tư vấn, thiết kế các dự án cụ thể.

- Đơn giá, định mức, ... của nhà nước vẫn chưa được điều chỉnh cho phù hợp với thị trường, điều này sẽ dẫn đến những khó khăn và rủi ro cho doanh nghiệp tư vấn trong nước.
- Thị trường cạnh tranh ngày càng khốc liệt với sự xuất hiện của rất nhiều các doanh nghiệp tư vấn ngoài ngành, tư vấn tư nhân và tư vấn nước ngoài.
- Một số thị trường truyền thống như thị trường tư vấn thủy điện đang giảm mạnh.
- Nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn ở phía trước sẽ dẫn đến những rủi ro tiềm tàng trong việc triển khai và thanh toán.
- Thủ tục đấu thầu tư vấn mất rất nhiều thời gian. Điều này tạo nên rủi ro lớn lên các đơn vị tư vấn vì khi ký xong hợp đồng thì thời gian thực hiện không còn nhiều nên gây ảnh hưởng tới tiến độ và chất lượng của công trình.
- Rủi ro trong công tác giải phóng mặt bằng, đền bù giải tỏa, tranh chấp đất đai... dẫn đến rủi ro cho tiến độ thực hiện dự án.
- Việc tham gia cộng đồng ASEAN sẽ mang lại những rủi ro khi khó giữ chân được các lao động tay nghề cao, giỏi ngoại ngữ.

II. Tình hình hoạt động trong năm 2016.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong năm 2016, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 thực hiện nhiệm vụ kế hoạch trong tình hình kinh tế trong nước được phục hồi. Các dự án lớn đã huy động được nguồn vốn để triển khai. Đặc biệt là các dự án trong đề án điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2010-2020 có xét đến 2030 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định 428 QĐ-TTg ngày 18/3/2016, các dự án năng lượng có cơ sở triển khai mạnh mẽ.

Tình hình đầu tư vào các dự án nguồn điện của các chủ đầu tư ngoài ngành bắt đầu khởi động lại, các dự án của EVN thì triển khai cấp bách, đã khởi công nhiều dự án để đảm bảo nhiệm vụ cung ứng đủ năng lượng điện cho Miền Nam giai đoạn 2018-2020.

Năm 2016 là năm tiếp theo và cuối cùng trong việc hiện thực hóa chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giai đoạn 2013 – 2017, hướng tới hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2017 – 2022. Đối với ngành Điện lực Việt Nam, năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, năm đầu thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch 5 năm (2016 – 2020). Với mục tiêu đảm bảo cung ứng đủ điện cho phát triển kinh tế xã hội của đất nước và đời sống nhân dân; thực hiện các nhiệm vụ xây dựng thị trường điện bán buôn; chủ trương nâng cao

năng lực quản trị doanh nghiệp, tiếp tục quá trình tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động....

Bám sát vào các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của ngành điện nói chung, của Công ty nói riêng, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã nỗ lực không ngừng nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh được nâng cao và phát triển bền vững.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2016:

2.1 Kế hoạch doanh thu năm 2016

Doanh thu :	291 580 triệu đồng
Trong đó: <i>Khảo sát:</i>	43 139 triệu đồng
<i>QH&DAĐT&Thiết kế&GSTC:</i>	202 770 triệu đồng
<i>Khác và thuê ngoài</i>	45 671 triệu đồng

2.2 - Kế hoạch ĐTXD và mua sắm tài sản 2016:	11 336 triệu đồng
- <i>Mua sắm tài sản</i>	8 536 triệu đồng
- <i>Đầu tư xây dựng</i>	2 800 triệu đồng

2.3 Kế hoạch đầu tư tài chính 2016:	11 000 triệu đồng
<i>Đầu tư góp vốn</i>	11 000 triệu đồng

2.4 Thực hiện kế hoạch năm 2016:

2.4.1 Doanh thu thực hiện năm 2016 ước đạt:	300 000 triệu đồng
đạt 106,1 % kế hoạch năm 2016.	
Trong đó doanh thu tự làm ước đạt: 260 000 triệu đồng.	

2.4.2 Đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ	7 382 triệu đồng
- <i>Mua sắm tài sản cố định</i>	4 816 triệu đồng
- <i>XD nhà điều hành phục vụ GSTC Vĩnh Tân</i>	2 566 triệu đồng
Đạt tỷ lệ 63,69% kế hoạch 2016	

2.4.3 Đầu tư tài chính năm 2016:

Góp vốn vào Cty CP PD Thuận Bình	8100 triệu đồng
Đạt tỷ lệ 73,64% kế hoạch 2016	

3. Tổ chức và nhân sự

Danh sách Ban điều hành:

a) Ông Thái Tuấn Tài: Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám đốc;

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1962;

Nơi sinh: 870 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP Hồ Chí Minh;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật; chuyên ngành điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1987: Tốt nghiệp Kỹ sư điện, chuyên ngành Điện khí hóa và Tự động hóa khai thác mỏ tại trường Đại học Mỏ Mátxcova.

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 28 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 4/2003: Trưởng phòng Thiết kế trạm Công ty Tư vấn XD điện 3;

Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

b) Ông Tôn Thất Hùng: Ủy viên HĐQT - Phó Tổng Giám đốc;

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.

Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 32 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

c) Ông Nguyễn Trí Trinh - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 01 tháng 01 năm 1962;

Nơi sinh: Quảng Trị

Học vị: Tiến sỹ Công trình thủy

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1984: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành xây dựng thủy lợi - thủy điện tại Đại học Bách khoa Đà Nẵng

Năm 1998: Tốt nghiệp Thạc sỹ Thủy công tại Đại học Thủy lợi

Năm 2008: Tốt nghiệp tiến sỹ Công trình thủy tại Đại học Thủy lợi

Nhiều năm: Các lớp đào tạo Giám đốc điều hành; chủ nhiệm đồ án thiết kế; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế thủy lợi, thủy điện.

Từ 01/7/2013 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2009 đến 06/2013: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế điện Miền Bắc - Phụ trách văn phòng đại diện tại Hà Nội - Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 8/2003 đến 2008: Phó Giám đốc trung tâm, Trung tâm tư vấn và chuyên gia công nghệ Tổng Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi Việt Nam;

Từ 2001 đến 7/2003: Trưởng phòng, Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 6/1993 đến 2000: Kỹ sư - Xí nghiệp thiết kế 3 Công ty Tư vấn xây dựng thủy lợi 1;

Từ 1990 đến 5/1993: Kỹ sư - Công ty xây dựng thủy lợi Đắk Lắk;

Từ 4/1984 đến 1989: Kỹ sư tư vấn giám sát, Ban kiến thiết Đá Bàn tỉnh Khánh Hòa

d) Ông Trần Lê Minh - Phó Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 02 tháng 3 năm 1966

Nơi sinh: Quảng Ngãi

Học vị: Kỹ sư điện. Thạc sỹ Quản trị kinh doanh

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1989: Tốt nghiệp đại học chuyên ngành Hệ thống điện tại Trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh;

Thạc sỹ quản trị kinh doanh (năm 2010) do đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức.

Nhiều năm: Các lớp đào tạo ngoại ngữ; ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm cho chuyên ngành thiết kế điện, hệ thống điện

Từ 01/02/2009 đến nay: Phó Tổng giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 2009: Trưởng Phòng Dự án nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2003: Phó Trưởng phòng Dự án Nguồn Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1990 đến 1999: Phòng Dự án Nguồn Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

e) Ông Phạm Hoàng Vinh: Trưởng phòng Tài chính - Kế toán

Sinh ngày: 26 tháng 10 năm 1971

Nơi sinh: TP Hồ Chí Minh

Học vị: Cao đẳng kinh tế.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1995: Tốt nghiệp Cao đẳng chuyên ngành kế toán tại Trường Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh;

Nhiều năm: Các lớp đào tạo về tài chính; về quản lý và ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng phần mềm kế toán;

Từ 01/12/2007 đến nay: Trưởng phòng TCKT Công ty CP Tư vấn XD điện 3;

Từ 2005 đến 2007: Trưởng Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 2005: Phó Trưởng phòng TCKT Công ty TV xây dựng điện 3;

Từ 1995 đến 1999: Nhân viên Phòng TCKT Công ty Tư vấn xây dựng điện 3.

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có thay đổi

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

+ Tổng số lao động tính đến 31 tháng 12 năm 2016 là: 520 người;

Công ty chúng tôi hiện có lực lượng lao động trẻ, trí thức và năng động với 521 cán bộ công nhân viên trong đó hơn 80% có trình độ cao đẳng, trung cấp, đại học và trên đại học, cụ thể như sau:

- Tiến sĩ: 01 người

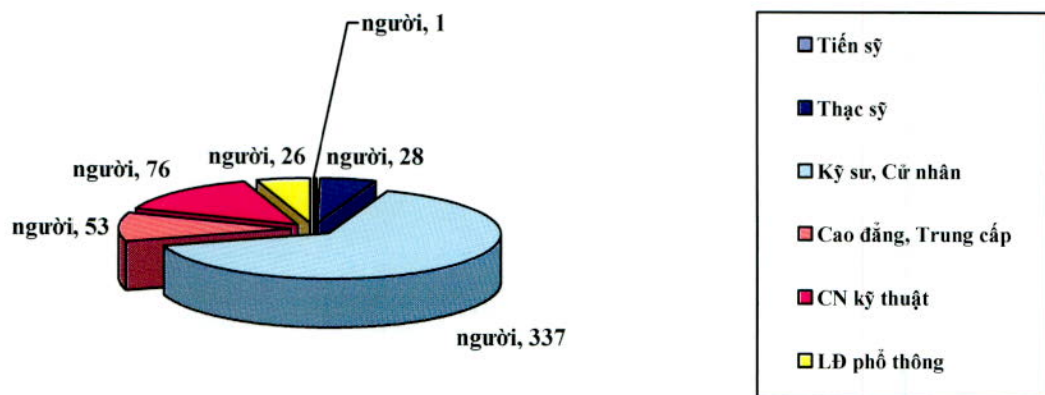
- Thạc sĩ: 28 người

- Kỹ sư và đại học, 337 người
- Cao đẳng- Trung cấp: 53 người
- Công nhân kỹ thuật: 76 người
- Lao động phổ thông: 26 người

Lực lượng lao động của Công ty bao gồm đầy đủ các chuyên ngành như: điện, xây dựng, kiến trúc, thủy công, năng lượng, cơ khí, trắc địa, địa chất, thủy văn, kinh tế, tài chính, luật, tin học, môi trường ... được đào tạo từ nhiều nguồn khác nhau như: Pháp, Nhật, Đức, Úc, Thái Lan, Liên Xô, Tiệp Khắc và các trường đại học trong nước.

Ngoài ra Công ty đã trang bị các phương tiện làm việc hiện đại cũng như luôn cập nhật các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế.

BIỂU ĐỒ NHÂN SỰ



- + Các chế độ, chính sách đối với người lao động hiện đang áp dụng như đối với Công ty Nhà nước.

4. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a. Các khoản đầu tư lớn:

- Năm 2016, Công ty thực hiện góp đầu tư vào Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình giá trị 8,1 tỷ đồng. Lũy kế đến ngày 31/12/2016, Công ty đã thực hiện đầu tư tài chính vào các đơn vị với số tiền sau:
- Góp vốn vào Công ty CP Phong điện Thuận Bình: 16,3 tỷ đồng;
- Góp vốn vào Công ty CP EVN Quốc tế: 3,15 tỷ đồng;
- Mua cổ phiếu của CTCP Thủy điện miền Trung: 0,22 tỷ đồng (43.600 cổ phần);

- Hiện nay Công ty đang tập trung thực hiện đầu tư góp vốn vào Công ty cổ phần Phong điện Thuận Bình với tỷ lệ cam kết góp 10% vốn và thực hiện góp vốn theo tiến độ đầu tư dự án.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có.

5. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài chính.

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	% tăng giảm/ %
<i>Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng:</i>			
Tổng giá trị tài sản	222.607	259.462	116,56%
Doanh thu thuần	260.715	306.882	117,71%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/	13.969	15.581	111,54%
Lợi nhuận khác	67	719	1.073,1%
Lợi nhuận trước thuế	14.037	16.299	116,11%
Lợi nhuận sau thuế	10.480	12.897	123,06%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức			

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2015	Năm 2016	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,21	1,20	
+ Hệ số thanh toán nhanh: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho /</u> Nợ ngắn hạn	1,01	1,01	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,65	0,66	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	1,89	1,99	

3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho:	6,85	7,61	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	1,17	1,18	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	4,02%	4,2%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	13,62%	14,81%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,71%	4,97%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	5,36%	5,08%	

6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

Tổng số cổ phần 4.057.164 cổ phần trong đó có 14 cổ phiếu quỹ số còn lại là cổ phần được chuyển nhượng tự do

Danh sách người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam

- Thái Tuấn Tài: 20.21%
- Tôn Thất Hùng: 14.28%
- Phạm Văn Thuận: 14.28%

b- Cơ cấu cổ đông:

(Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 780/2016-TV3/VSD-ĐK ngày 23 tháng 6 năm 2016 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam)

- Vốn điều lệ công ty: 40.571.640 triệu đồng
- Vốn nhà nước (EVN): 19.789 triệu đồng
- Vốn cá nhân trong nước: 8.910 triệu đồng
- Vốn tổ chức trong nước: 30.666 triệu đồng

- Vốn nước ngoài (cá nhân)

Họ tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng CP
Ishizuka Yosuke	IS 0617	Kanagawa-ken, Yokohama-shi, Kohoku-ku Hiyoshi- Hocho 6-31-2-103	Japan	115
Yamazaki Atsushi	IS 0469	Nomura house, 1 St Martin's -le - Grand, London EC1A 4NP	Japan	100

- Vốn nước ngoài (tập thể)

Họ tên	Số ĐKNSH	Địa chỉ	Quốc tịch	Số lượng CP
America LLC	CA5883	165 Ongi, Yotsukaido-si, Chiba- Ken, Japan	St Kitts and Nevis	99.240

- Cổ đông lớn:

- + Công ty cổ phần đầu tư Toàn Việt: 279.960 cổ phần
- + Tổng công ty điện lực thành phố Hồ Chí Minh: 506.566 cổ phần
- + Tập đoàn điện lực Việt Nam: 1.978.988 cổ phần

c- Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi.

d- Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có giao dịch.

e- Các chứng khoán khác: Không có.

7. Báo cáo tác động đến môi trường và xã hội:

a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 là công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực Tư vấn xây dựng các công trình điện. Các sản phẩm của Công ty là các sản phẩm mang yếu tố trí tuệ cao trong đó tỷ lệ hàm lượng tiêu tốn nguyên vật liệu để sản xuất và đóng gói là rất nhỏ.

b) Tiêu thụ năng lượng:

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp: Nguồn năng lượng tiêu thụ trực tiếp của Công ty là điện năng với phụ tải chủ yếu là các thiết bị phục vụ cho công tác của Văn phòng như chiếu sáng, máy điều hòa không khí và các thiết bị văn phòng.

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

- Công ty đã tiến hành lắp đặt đồng hồ đo đếm điện đến từng đơn vị sản xuất từ đó đã tăng cường công tác quản lý lượng điện năng tiêu thụ, góp phần quan trọng vào mục tiêu tiết kiệm điện năng tiêu thụ trong toàn Công ty.

c) Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty sử dụng nguồn nước được cung cấp từ Công ty cấp nước thành phố Hồ Chí Minh, lượng nước trung bình tiêu thụ hàng năm là khoảng 1.200 m³. Lượng nước này chủ yếu được sử dụng cho các nhu cầu sinh hoạt hàng ngày của toàn bộ các nhân viên trong công ty.

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Công ty không sử dụng nguồn nước cho mục tiêu sản xuất, lượng nước tiêu chủ yếu cho sinh hoạt do đó không có nước được tái sử dụng

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định và pháp luật về bảo vệ môi trường, các đoàn kiểm tra của các cơ quan chức năng đều đánh giá cao ý thức chấp hành pháp luật và quy định về môi trường của Công ty.

- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không bị phạt

8. Chính sách liên quan đến người lao động.

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

- Số người lao động tính đến 31/12/2016: 520 người

- Mức lương trung bình của NLD năm 2016: 15.967.000đ/ người

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động.

- Công ty đã xây dựng nội quy về an toàn vệ sinh lao động với đầy đủ các nội dung quy định và được treo ở nơi làm việc.
- Tổ chức đo đạc, giám sát môi trường làm việc vào ngày 15/6/2016 (bao gồm: vi khí hậu, bụi, tiếng ồn, rung, ánh sáng, hơi khí độc...), kết quả các chỉ tiêu đều đạt kết quả tốt, chỉ duy nhất có 1 vị trí làm việc của NLĐ ánh sáng chưa đạt tiêu chuẩn vệ sinh cho phép, đã lắp thêm đèn đủ độ sáng.
- Công ty có tủ thuốc và dụng cụ cấp cứu, phác đồ cấp cứu đầy đủ tại nơi làm việc của NLĐ. Mặc dù Công ty không thuộc đơn vị trực tiếp sản xuất nhưng cũng xây dựng phương án cấp cứu tại chỗ và tổ chức tập huấn cho tất các đối tượng có mặt tại trụ sở Công ty.
- Ngày 08/07/2016 – 09/7/2016 Công ty đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho 454/521 người lao động, đạt tỷ lệ khám đạt 87,14%, tổng chi phí: 363.083.000 đồng.
- Đối với NLĐ có sức khỏe loại 4, 5 và yếu, Công ty đã có kế hoạch và đang triển khai thực hiện chế độ nghỉ dưỡng sức phục hồi chức năng lao động cho 29 người lao động với chi phí dự kiến khoảng 35.000.000 đồng.
- Đối với NLĐ mắc bệnh mãn tính, đơn vị đã thông báo tình trạng sức khỏe đến từng cá nhân và yêu cầu định kỳ phối hợp với y tế cơ quan trong việc theo dõi tình hình bệnh lý cũng như phương pháp điều trị nhằm ổn định bệnh và nâng cao sức khỏe của NLĐ.
- Công ty đã tổ chức cho NLĐ đi nghỉ mát năm 2016 theo đúng thỏa ước lao động tập thể.
- Duy trì chế độ đối thoại định kỳ giữa đại diện người sử dụng lao động và đại diện người lao động nhằm nắm bắt được tâm tư nguyện vọng của người lao động, giải quyết thỏa đáng những yêu cầu hợp pháp, chính đáng; truyền tải những mong muốn của lãnh đạo Công ty đến NLĐ để hiểu và thực hiện.

c) Hoạt động đào tạo người lao động:

Năm 2016, Lãnh đạo Công ty luôn quan tâm đến công tác đào tạo, nhất là đào tạo cán bộ quản lý về quản trị và đào tạo kỹ năng mềm cho người lao động nhằm đạt được hiệu quả cao nhất trong công việc.

Trong năm 2016 đã thực hiện 78 chương trình gồm đào tạo kỹ năng, bổ sung kiến thức chuyên môn và quản lý. Tổng số lượt người được đào tạo là 1055 người. Chi tiết dưới đây:

TT	Chương trình, nội dung đào tạo	Số lượt người được đào tạo	Số giờ đào tạo bq/người (giờ)
I	Đào tạo thường xuyên (Các khóa kỹ năng dành cho nhân viên các phòng nghiệp vụ)	658	8

II	Đào tạo theo chuyên đề (Dành cho nhân viên trực tiếp và cán bộ quản lý)	159	16
1	Năng lượng tái tạo (dành cho nhân viên)	26	20
2	Điện (dành cho nhân viên)	98	24
3	Kỹ thuật xây dựng (dành cho nhân viên)	8	36
4	Đào tạo về Quản lý (dành cho CB quản lý và cán bộ diện quy hoạch)	106	40
	Tổng cộng	1055	

Ngoài việc tổ chức đào tạo bên ngoài, Công ty đã tổ chức đào tạo nội bộ trong các phòng, ban, chi nhánh. Với hình thức này, các trưởng đơn vị đào tạo cho nhân viên, người đi trước hướng dẫn kèm cặp cho người đi sau. Trong năm 2016 toàn Công ty thực hiện 64 chương trình & chuyên đề đào tạo, tổng số lượt người được đào tạo là 507 lượt người.

9. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Hưởng ứng Chỉ thị Liên tịch của Tập đoàn Điện lực Việt Nam số 29/CTLT-EVN-CĐĐVN về xây dựng Nhà văn hóa đa năng trên đảo Đá Lớn thuộc quần đảo Trường Sa, Công ty đã vận động NLD đóng góp 01 ngày lương đóng góp quỹ xã hội do Tập đoàn phát động để xây dựng; ngoài ra cũng ủng hộ 1 ngày lương ủng hộ đồng bào lũ lụt miền Trung.

NLD cũng đã đóng góp 1 ngày lương theo văn bản số 5142/TB-QPCTT của Văn phòng thường trực Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn Tp.HCM về thu quỹ phòng, chống thiên tai năm 2016.

Hưởng ứng vận động của Liên đoàn Lao động Tp.HCM về việc nhắn tin để quyền góp tiền xây dựng Đài tưởng niệm Nghĩa sỹ Hoàng Sa. Công đoàn Công ty đã phổ biến thông tin để NLD tự giác nhắn tin gây quỹ.

Hưởng ứng “Tuần lễ hồng EVN” do Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) phát động, Công ty đã phát động chương trình hiến máu “Tuần lễ hồng EVN tại PECC3” ngày 08/01/2016 với tinh thần "Một giọt máu cho đi, một cuộc đời ở lại". Phối hợp với Đoàn thanh niên thực hiện tuyên truyền và tổ chức Hiến máu nhân đạo vào ngày 07/10/2016. Tổng cộng 2 lần hiến máu đã có hơn 100 lượt NLD đã tham gia hiến máu.

Hưởng ứng các cuộc vận động “Ấm tình mùa xuân”, “Mùa xuân yêu thương”, ủng hộ nạn nhân chất độc da cam .v.v và các cuộc vận động khác do địa phương phát động.

Hưởng ứng vận động của Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2, Công đoàn Công ty cũng đã tham gia ủng hộ 50.000.000đ để hỗ trợ xây dựng nhà cho các hộ dân bị ảnh hưởng.



Đại diện Công ty trao tặng Quỹ học bổng Vì A Dính năm 2016.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc.

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Trong năm 2016, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 thực hiện nhiệm vụ kế hoạch trong tình hình kinh tế trong nước được phục hồi. Các dự án lớn đã huy động được nguồn vốn để triển khai. Đặc biệt là các dự án trong đề án điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia giai đoạn 2010-2020 có xét đến 2030 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại quyết định 428 QĐ-TTg ngày 18/3/2016, các dự án năng lượng có cơ sở triển khai mạnh mẽ.

Tình hình đầu tư vào các dự án nguồn điện của các chủ đầu tư ngoài ngành bắt đầu khởi động lại, các dự án của EVN thì triển khai cấp bách, đã khởi công nhiều dự án để đảm bảo nhiệm vụ cung ứng đủ năng lượng điện cho Miền Nam giai đoạn 2018-2020.

Năm 2016 là năm tiếp theo và cuối cùng trong việc hiện thực hóa chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 giai đoạn 2013 – 2017, hướng tới hoạch định chiến lược sản xuất kinh doanh của Công ty giai đoạn 2017 – 2022. Đối với ngành Điện lực Việt Nam, năm 2016 là năm đầu tiên thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, năm đầu thực hiện các nhiệm vụ, chỉ tiêu kế hoạch 5 năm (2016 – 2020). Với mục tiêu đảm bảo cung ứng đủ điện cho phát triển kinh tế xã hội của đất nước và đời sống nhân dân; thực hiện các nhiệm vụ xây dựng thị trường điện bán buôn; chủ trương nâng cao

năng lực quản trị doanh nghiệp, tiếp tục quá trình tái cơ cấu, sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và năng suất lao động....

Bám sát vào các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm của ngành điện nói chung, của Công ty nói riêng, Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 đã nỗ lực không ngừng nhằm đảm bảo hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh được nâng cao và phát triển bền vững.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch năm 2016:

2.1 Kế hoạch doanh thu năm 2016

Doanh thu :	291 580 triệu đồng
Trong đó: <i>Khảo sát:</i>	<i>43 139</i> triệu đồng
<i>QH&DAĐT&Thiết kế&GSTC:</i>	<i>202 770</i> triệu đồng
<i>Khác và thuê ngoài</i>	<i>45 671</i> triệu đồng

2.2 - Kế hoạch ĐTXD và mua sắm tài sản 2016:

- <i>Mua sắm tài sản</i>	<i>8 536</i> triệu đồng
- <i>Đầu tư xây dựng</i>	<i>2 800</i> triệu đồng

2.3 Kế hoạch đầu tư tài chính 2016:

<i>Đầu tư góp vốn</i>	11 000 triệu đồng
	<i>11 000</i> triệu đồng

2.2 Thực hiện kế hoạch năm 2016:

2.2.1 Doanh thu thực hiện năm 2016 ước đạt:	300 000 triệu đồng
đạt 106,1 % kế hoạch năm 2016.	

Trong đó doanh thu tự làm ước đạt: 260 000 triệu đồng.

2.2.2 Đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ	7 382 triệu đồng
- <i>Mua sắm tài sản cố định</i>	<i>4 816</i> triệu đồng
- <i>XD nhà điều hành phục vụ GSTC Vĩnh Tân</i>	<i>2 566</i> triệu đồng
Đạt tỷ lệ 63,69% kế hoạch 2016	

2.2.3 Đầu tư tài chính năm 2016:

Góp vốn vào Cty CP PĐ Thuận Bình	8100 triệu đồng
Đạt tỷ lệ 73,64% kế hoạch 2016	

3. Tình hình thực hiện các dự án:

3.1. Nhiệt điện:



Nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn 1 – Thanh Hóa

- Nhiệt điện Duyên Hải 3: Tư vấn giám sát và hỗ trợ chủ đầu tư quản lý hợp đồng EPC đã đóng điện hòa lưới phát điện tổ máy 1 và tổ máy 2 trong năm 2016. Dự kiến sẽ bàn giao đưa vào vận hành thương mại tổ máy 1 vào tháng 1/2017 và tổ máy 2 vào tháng 2/2017.
- Hỗ trợ chủ đầu tư các thủ tục Nhà máy nhiệt điện BOT Nghi Sơn 2 theo dõi giải trình phối hợp với tổ hợp nhà đầu tư BOT Marubeni/KEPCO được Bộ Công Thương phê duyệt năm 2015.
- Hỗ trợ cùng với chủ đầu tư BOT TATA giải trình các thủ tục triển khai NMD BOT Long Phú 2.
- Hiệu chỉnh quy hoạch Trung tâm điện lực Long Phú đã được Bộ Công Thương phê duyệt. Triển khai thực hiện Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án NMD Long Phú 3 do Tập đoàn dầu khí Việt Nam làm chủ đầu tư.
- Tiếp tục giải trình và hoàn thiện thiết kế kỹ thuật dự án NMD Duyên Hải 3MR: tư vấn phụ hỗ trợ cho nhà thầu EPC dự án là Sumitomo trong công tác lập và phê duyệt TKKT dự án NMD Duyên Hải 3 MR. TKKT của dự án đã được EVN phê duyệt lần 1 vào tháng 10/2015; dự kiến sẽ phê duyệt hoàn thiện trong quý II/2017.
- Hoàn thành công tác tư vấn Phương án vận chuyển than, các loại hồ sơ mời thầu mua than cho Nhà máy điện Duyên Hải 3. Phối hợp ban QLDA tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà cung cấp, chủ đầu tư đã ký hợp đồng và mua than để phục vụ vận hành nhà máy nhiệt điện Duyên Hải 3.
- Tư vấn giám sát và hỗ trợ Chủ đầu tư quản lý thực hiện hợp đồng với nhà thầu EPC dự án Nhiệt điện Vĩnh Tân 4. Dự án đã khởi công vào ngày 09/03/2014. Công ty cùng với TVPNN là Tractebel Engineering đã triển khai công tác tư vấn giám sát và phê duyệt thiết kế của Nhà thầu tại công

trường NĐ Vĩnh Tân 4. Dự kiến tổ máy 1 sẽ vận hành vào cuối năm 2017 và tổ máy 2 sẽ vận hành vào giữa năm 2018.

- Hoàn thành tư vấn lập dự án đầu tư Nhà máy điện Vĩnh Tân 4 mở rộng được HĐTV-EVN phê duyệt tháng 9/2015. Dự án đã khởi công vào tháng 4/2016. Công ty đã ký hợp đồng tư vấn giám sát và tháng 8/2016 và đang triển khai thực hiện nhiệm vụ TVGS cho dự án. Dự kiến nhà máy nhiệt điện Vĩnh Tân 4MR sẽ đưa vào vận hành vào tháng 6/2019.
- Hoàn thành hiệu chỉnh BCNCKT dự án nhà máy nhiệt điện Ô Môn IV vào tháng 10/2016 đang chờ các cơ quan có thẩm quyền thẩm tra phê duyệt.
- Hoàn thành công tác tư vấn lập đề xuất dự án NMNĐ Long An 2. Năm 2016 cùng với Chủ đầu tư KEPCO-VINAKOBALT giải trình đề xuất với các cơ quan có thẩm quyền.

3.2. Thủy điện:

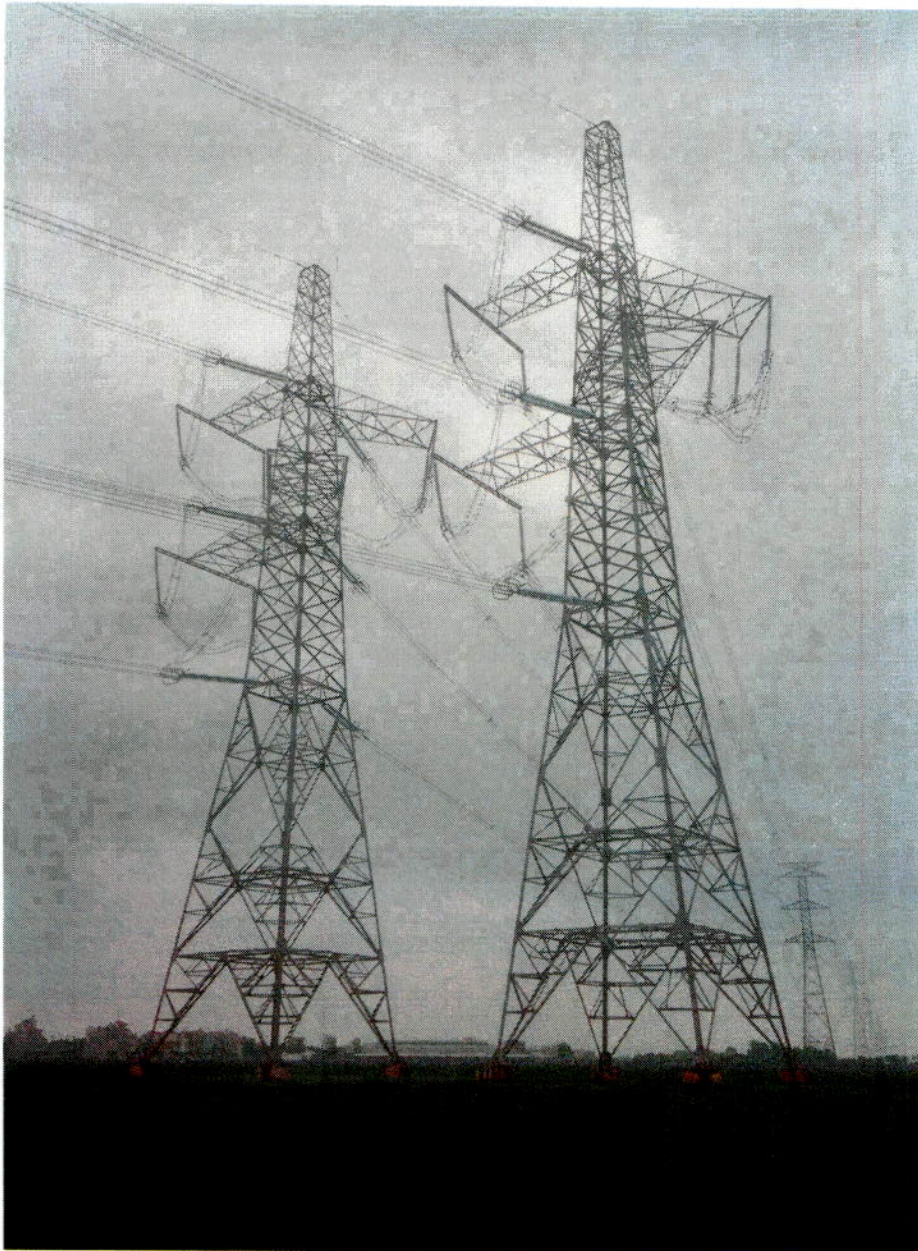


Nhà máy thủy điện Đồng Nai 5

- Thực hiện tốt nhiệm vụ giám sát thi công dự án thủy điện Đồng Nai 5 150MW do Tổng công ty Điện lực TKV làm chủ đầu tư dự án đóng điện và khánh thành vào cuối năm 2015. Năm 2016, Công ty đang tiếp tục hỗ trợ Chủ đầu tư giám sát phần hoàn thiện nhà máy, giải trình kiểm toán và quyết toán công trình.

- Tư vấn giám sát tại công trường thủy điện Xêkaman 1 (290MW) đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư, dự án đã hoàn thành và đóng điện 2 tổ máy vào tháng 11/2016. Hiện tại Công ty đã tiếp tục triển khai TVGS và hỗ trợ Chủ đầu tư dự án thủy điện Xekaman Xansay 32 MW, dự kiến hoàn thành và đưa vào vận hành vào cuối năm 2017
- Dự án thủy điện Sông Bung 2 đã hoàn tất bản vẽ thi công để triển khai theo tiến độ tiến độ. Thực hiện công tác giám sát tác giả và xử lý các vướng mắc trong quá trình thi công tại hiện trường. Năm 2016 Công ty đang thiết kế xử lý sự cố hầm dẫn dòng Sông Bung 2 dự kiến sẽ hoàn thành phát điện tháng 6/2017.
- Đã ký kết hợp đồng TVGS thi công xây dựng thủy điện Bắc Mê – Hà Giang, triển khai công việc TVGS tại công trường từ tháng 2/2015. Hiện dự án đã và đang triển khai khẩn trương, đúng tiến độ dự kiến sẽ đóng điện vận hành trong năm 2017.
- Đã ký kết hợp đồng TVGS thi công xây dựng thủy điện Đa Dâng và triển khai công tác TVGS từ tháng 8/2015 dự kiến đóng điện vận hành vào cuối năm 2017.
- Đã ký kết hợp đồng và triển khai công tác TVGS cùng với Tư vấn Nippon Koei dự án mở rộng thủy điện Đa Nhim (thêm 80MW). Công ty đã triển khai công tác TVGS từ tháng 4/2016. Dự kiến sẽ hoàn thành đưa vào vận hành vào cuối năm 2018.
- Xúc tiến công tác đấu thầu, tìm kiếm hợp đồng các công việc thủy điện như: quan trắc chuyển dịch công trình, lập phương án phòng chống lũ lụt hạ du, kiểm tra và chứng nhận an toàn các đập thủy điện ...

3.3. Lưới điện:



Đường dây 500 KV Quảng Ninh - Hiệp Hòa

- Hoàn thành BCNCKT Đường dây 500KV Sông Hậu – Đức Hòa và được Bộ Công Thương phê duyệt vào ngày 14/7/2016. Đồng thời hoàn thành TKKT-TDT và được Tổng cục Năng lượng thông qua vào ngày 3/11/2016.
- Hoàn thành BCNCKT Đường dây 500KV Chơn Thành – Đức Hòa được EVN thông qua vào ngày 16/11/2016 (Nộp Fs hiệu chỉnh theo góp ý của EVN ngày 29/11/2016)



Trạm biến áp 220KV – Phú Mỹ

- Hoàn thành TKKT-TDT trạm biến áp 500KV Đức Hòa & các đường dây đầu nối, được NPT phê duyệt vào ngày 14/11/2016.
- Hoàn thành BCNCKT dự án Đường dây 500kV đầu nối NM nhiệt điện Nghi Sơn 2 vào HTĐ Quốc gia, được EVN phê duyệt vào ngày 24/11/2016.
- Hoàn thành 60% khối lượng TKBVTC Trạm 500kV Tân Uyên và đầu nối vào tính tới tháng 11/2016.
- Hoàn thành và được phê duyệt DAĐT dự án Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Xuân Lộc vào ngày 20/10/2016.
- Hoàn thành và được phê duyệt DAĐT dự án Lắp MBA thứ 2 TBA 220kV Tây Ninh vào ngày 18/10/2016.
- Hoàn thành và được phê duyệt DAĐT dự án Lắp MBA 500kV, 220kV thứ 2 TBA 500kV Tân Uyên vào ngày 28/11/2016
- Hoàn thành BCNCKT và TKBVTC các dự án Lắp M2 TBA 220kV Trà Vinh và dự án Lắp M2 TBA 220kV Uyên Hưng. Cả 2 dự án đã được EVN phê duyệt BCNCKT vào ngày 22/3/2016, phê duyệt TKBVTC Lắp M2 Uyên Hưng vào ngày 19/8/2016.
- Hoàn thành BCNCKT, TKKT-TDT Đz 220kV Đông Hà-Huế được NPT phê duyệt BCNCKT vào ngày 29/02/2016; TKKT-TDT ngày 3/8/2016.

- Hoàn thành BCNCKT đường dây 220KV Bình Long-Tây Ninh được NPT phê duyệt BCNCKT vào ngày 29/7/2016.
- Đóng điện công trình đường dây 220kV Tân Uyên-Thuận An (đoạn Bình Hòa-Thuận An) vào tháng 12 năm 2016.
- Đóng điện công trình Mở rộng ngăn lộ đường dây tại trạm 500kV Quảng Ninh và trạm 500kV Hiệp Hòa để đấu nối với đường dây 500kV Quảng Ninh-Hiệp Hòa (mạch 2) vào ngày 12 tháng 10 năm 2016.
- Đóng điện vận hành NCS TBA 500KV Ô Môn vào tháng 11 năm 2016.
- Đóng điện vận hành TBA 220KV Đức Trọng vào tháng 08 năm 2016.
- Đóng điện vận hành TBA 220KV Mỹ Xuân vào tháng 07 năm 2016.
- Đóng điện vận hành NCS TBA 220KV Bến Tre vào tháng 05 năm 2016.
- Đóng điện vận hành NCS TBA 220KV Kiên Bình vào tháng 12 năm 2016.
- Đóng điện vận hành dự án Thay MBS TBA 220KV Cao Lãnh vào tháng 06 năm 2016.
- Đóng điện vận hành dự án Nâng công suất TBA 220kV Huế ngày 08/01/2016
- Đóng điện vận hành dự án Nâng công suất TBA 220kV Krông Buk ngày 18/02/2016
- Đóng điện vận hành dự án Trang bị máy cắt cho kháng điện bù ngang trên lưới 500kV ngày 29/03/2016
- Đóng điện vận hành dự án Đường dây 500/220kV Bắc Ninh 2 – Phố Nối ngày 26/04/2016
- Đóng điện vận hành dự án TBA 220kV Mỏ Cày và đấu nối ngày 27/04/2016.
- Hoàn thành và Phê duyệt BCNCKT dự án Đường dây 220kV Di Linh - Bảo Lộc mạch 2 ngày 31/03/2016
- Hoàn thành và Phê duyệt BCNCKT dự án TBA 220kV Quảng Ngãi (Máy 2) ngày 15/04/2016.
- Hoàn thành và Phê duyệt BCNCKT dự án Nâng công suất TBA 220kV Bình Long ngày 28/06/2016
- Hoàn thành và Phê duyệt BCNCKT dự án Khôi phục lại đường dây 110kV từ TBA 500kV Đà Nẵng – TBA 110kV Liên Trì ngày 30/8/2016.
- Hoàn thành và Phê duyệt BCNCKT dự án Lắp máy 2 TBA 220kV Bắc Ninh 2 ngày 06/12/2016.
- Hoàn thành TKKT-TDT dự án Lưới điện 220kV đấu nối nhà máy điện phân nhôm Đắk Nông và được phê duyệt vào ngày 22/01/2016
- Hoàn thành TKKT-TDT dự án TBA 110kV Hóc Môn 2 và đấu nối, được phê duyệt vào ngày 15/04/2016

- Hoàn thành TKKT-TDT dự án Đường dây 220kV Di Linh - Bảo Lộc mạch 2, được phê duyệt vào ngày 04/10/2016
- Hoàn thành 80% TKBVTC tính tới tháng 12 năm 2016 dự án Cải tạo, nâng cấp đường dây 220kV Cai Lậy – Cao Lãnh
- Hoàn thành 80% TKBVTC tính tới tháng 12 năm 2016 dự án Cải tạo, nâng cấp đường dây 220kV Cao Lãnh-Thốt Nốt
- Hoàn thành và 100% TKBVTC của dự án ĐZ 220kV TTĐL Long Phú – Sóc Trăng vào tháng 11 năm 2016.
- Hoàn thành và 100% TKBVTC của dự án ĐZ 220kV TTĐL Long Phú – Cần Thơ – Trà Nóc vào tháng 11 năm 2016.
- Hoàn thành và 100% TKBVTC của dự án TBA 220kV Cần Thơ vào tháng 9 năm 2016.
- Hoàn thành TKKT-TDT dự án Lưới điện 220kV đầu nối NMD phân nhôm Đắc Nông được AMT phê duyệt vào ngày 22/01/2016.
- Hoàn tất hiệu chỉnh TKKT-TDT dự án Nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các trạm biến áp 500kV, 220kV khu vực miền Trung vào tháng 7 năm 2015 và AMT trình NPT thẩm tra TKKT-DT ngày 05 tháng 08 năm 2016.
- Hoàn thành BCNCKT và TKKT-TDT dự án TBA 220kV Bến Cát được NPT phê duyệt BCNCKT vào ngày 17/3/2016, phê duyệt TKKT-TDT ngày 12/10/2016.
- Hiệu chỉnh và bàn giao BCNKT cho Khách hàng dự án TBA 220kV Châu Đức 15 tháng 10 năm 2016. AMN đã tổ chức họp thẩm định FS ngày 28/12/2016.
- Hoàn thành và trình Bộ Công Thương bổ sung quy hoạch dự án cấp điện 220kV cho Nhà máy thép Hoa Sen-Cà Ná vào tháng 12/2016.
- Hoàn thành TKKT-TDT dự án Đz 110kV Q8-Chánh Hưng, được phê duyệt vào ngày 10/3/2016
- Hoàn thành TKCS vào ngày 15/7/2016, TKBVTC vào ngày 24/11/2016 và được TCTy ĐL TP.HCM thỏa thuận vào ngày 21/11/2016 dự án Xóa đầu nối chữ T vào TBA 110kV Pouyen.
- Hoàn thành công tác thẩm tra TKKT các dự án 500-220kV: ĐZ 500kV Mỹ Tho – Đức Hòa, TBA 500kV Tây HN; Đz 500kV Vĩnh Tân-rẽ Sông Mây-Tân Uyên; Nâng cấp hệ thống điều khiển, bảo vệ các trạm biến áp 500kV, 220kV khu vực miền Nam; TBA 220kV Bắc Ninh 3 và đầu nối; TBA 220kV KCN Hải Hà; Đz 220kV Hải Hà – Cẩm Phả.....;
- Hoàn thành TKKT-TDT dự án TBA 110kV Đồng Phú và được SPC phê duyệt vào ngày 16 tháng 02 năm 2016.
- Hoàn thành BCNCKT dự án TBA 110kV Nam Phú Quốc và được SPC phê duyệt vào ngày 26 tháng 12 năm 2016.

- Hoàn thành BCNCKT, TKKT-TDT TBA 110kV Cà Mau 2 và đấu nối được SPC phê duyệt BCNCKT vào ngày 18/02/2016; TKKT-TDT ngày 18/05/2016.
- Hoàn thành TKBVTC dự án Đz 110kV Long Thành - Hyosung và được phê duyệt từ ngày 01/08/2016.
- Hoàn thành và phê duyệt đề án Quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Trà Vinh giai đoạn 2016-2021 có xét đến 2030 , được BCT phê duyệt vào ngày 19/5/2016
- Hoàn thành và phê duyệt đề án Quy hoạch phát triển Điện lực tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016-2021 có xét đến 2030 , được BCT phê duyệt vào ngày 08/12/2016
- Đã nộp hồ sơ QHPTĐL các tỉnh giai đoạn 2016-2015 có xét đến 2030 các tỉnh:
 - Bình Dương : Nộp Tháng 5/2016
 - Cần Thơ: Nộp bài tháng 11/2016
 - Đắk Lắk: Nộp bài Tháng 09/2016
 - Kiên Giang: Nộp bài tháng 03/2016

3.4. Năng lượng tái tạo:



Nhà máy điện gió Phú Lạc – Tỉnh Bình Thuận

Hoàn thành công tác GSTC dự án Nhà máy điện gió Phú Lạc và đưa vào vận hành vào ngày 25/11/2016.

- Hoàn thành và bàn giao hồ sơ hiệu chỉnh cho Khách hàng Báo cáo nghiên cứu phát triển Điện mặt trời tại công trình thủy điện Trị An vào ngày 27/12/2016.
- Hoàn thành và bàn giao cho Khách hàng Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Nhà máy điện gió Tiến Thành vào ngày 13/10/2016
- Hoàn thành và bàn giao cho Khách hàng Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi dự án Nhà máy điện gió Quốc Vinh vào ngày 07/03/2016
- Hoàn thành và bàn giao cho Khách hàng Bổ sung quy hoạch dự án Nhà máy mặt trời Tịnh Biên tỉnh An Giang vào ngày 07/12/2016
- Hoàn thành và bàn giao cho Khách hàng BCNCKT dự án Nhà máy mặt trời Tuy Phong tỉnh Bình Thuận vào ngày 22/09/2016.
- Hoàn thành đề án Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Bạc Liêu giai đoạn đến 2012, có xét đến 2030 và được Bộ Công Thương phê duyệt vào ngày 11/4/2016.

4. Tình hình tài chính

Bảng cân đối kế toán:

Chỉ tiêu	Mã số	Số đầu năm	Số cuối năm	Chênh lệch so với năm trước
I Tài sản ngắn hạn	100-BCĐKT	177.533.651.537	207.382.382.520	29.848.730.983
1. Tiền và các khoản tương đương tiền	110-BCĐKT	51.134.559.843	79.420.409.305	28.285.849.462
2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120-BCĐKT	5.990.206.666	817.090.000	-5.173.116.666
3. Các khoản phải thu	130-BCĐKT	90.743.005.211	94.186.059.111	3.443.053.900
Trong đó: Nợ phải thu khó đòi		(7.080.058.137)	(7.132.262.727)	52.204.590
4. Hàng tồn kho	140-BCĐKT	29.521.064.627	32.823.111.492	3.302.046.865
5. Tài sản ngắn hạn khác	150-BCĐKT	144.815.190	135.712.612	-9.102.578
II Tài sản dài hạn	200-BCĐKT	45.073.132.876	52.079.861.720	7.006.728.844
1. Các khoản phải thu dài hạn	210-BCĐKT	153.000.000	153.000.000	
2. Tài sản cố định:	220-BCĐKT	30.576.386.738	29.818.962.463	-757.424.275
<i>Tài sản cố định hữu hình</i>	<i>221-BCĐKT</i>	<i>15.579.550.189</i>	<i>19.965.552.385</i>	<i>4.386.002.196</i>
<i>Tài sản cố định thuê tài chính</i>	<i>224-BCĐKT</i>			
<i>Tài sản cố định vô hình</i>	<i>227-BCĐKT</i>	<i>14.685.646.269</i>	<i>9.853.410.078</i>	<i>-4.832.236.191</i>
3. Bất động sản đầu tư	230-BCĐKT			
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	240-BCĐKT	311.190.280	311.190.280	
5. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250-BCĐKT	11.350.000.000	19.450.000.000	8.100.000.000
6. Tài sản dài hạn khác	260-BCĐKT	2.993.746.138	2.346.708.977	-647.037.161

III. Nợ phải trả	300-BCĐKT	145.672.774.898	172.371.348.955	26.698.574.057
1. Nợ ngắn hạn	310-BCĐKT	145.672.774.898	172.371.348.955	26.698.574.057
Trong đó : Nợ quá hạn				
2. Nợ dài hạn	320-BCĐKT			
IV. Nguồn vốn chủ sở hữu	400-BCĐKT	76.934.009.515	87.090.895.285	10.156.885.770
1. Vốn của chủ sở hữu	410-BCĐKT	76.934.009.515	87.090.895.285	10.156.885.770
<i>Trong đó: vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	<i>411-BCĐKT</i>	<i>33.810.000.000</i>	<i>40.571.640.000</i>	<i>6.761.640.000</i>
2. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430-BCĐKT	0	0	

a) Tình hình tài sản

Tài sản của Công ty biến động tăng 16,56% so với năm trước chủ yếu là vốn bằng tiền và tương đương tiền tăng, do các khoản phải thu ngắn hạn tăng cũng như đầu tư mua sắm tài sản cố định ít hơn và tài sản dài hạn khác giảm trong năm. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm nay tăng so với năm trước do hiệu quả sử dụng tài sản năm nay tốt hơn.

b) Tình hình nợ phải trả

Nợ phải trả năm nay cao hơn so với năm trước chủ yếu là khoản người mua trả tiền trước tăng do Công ty ký được nhiều hợp đồng cung cấp dịch vụ hơn so với năm trước. Tỷ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu năm nay là 1,99 cùng với khả năng thanh toán nợ ngắn hạn >1 đã đảm bảo khả năng thanh toán nợ ngắn hạn rất tốt của Công ty.

5. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

5.1. Tổ chức quản lý theo mục tiêu:

- Tiếp tục duy trì và phát huy hiệu quả của các công cụ được phát triển bởi dự án: “Cải tiến hệ thống quản lý và xây dựng hệ thống lương của Công ty”, định kỳ soát xét, điều chỉnh để đảm bảo phù hợp, nhất quán nhằm hướng tới thực hiện thắng lợi kế hoạch năm, hiện thực hóa Chiến lược của Công ty đã được Hội đồng quản trị phê duyệt;
- Công ty đã triển khai đồng bộ hệ thống KPIs tới các cấp giúp kiểm soát đồng bộ các chỉ tiêu của Công ty đặt ra từ đầu năm, đồng thời giúp cho các cấp quản lý có kế hoạch, biện pháp hành động kịp thời nhằm đảm bảo mục tiêu cuối cùng là hoàn thành vượt mức kế hoạch năm, hiện thực hóa chiến lược Công ty giai đoạn 2013 – 2017;
- Tiếp tục duy trì chế độ thưởng/phạt áp dụng đối với cấp Trưởng phòng, Ban Giám đốc Chi nhánh, Trung tâm... với các tiêu chí cụ thể, rõ ràng... đây là một công cụ hữu ích để khuyến khích các cấp quản lý tổ chức điều hành hoạt động của đơn vị ngày một hiệu quả;
- Đối với cá nhân, năm 2016 Công ty áp dụng mô hình nêu gương điển hình xuất sắc trong hoạt động sản xuất kinh doanh: định kỳ hàng quý lựa chọn các gương điển hình xuất sắc nhất trong số các tập thể xuất sắc của Công ty lên bảng danh dự, website Công ty và có chế độ thưởng xứng đáng đối với

các cá nhân này. Thông qua hoạt động nêu gương điển hình, đã có tác dụng tích cực đến toàn thể người lao động, qua đó mọi thành viên đều luôn nỗ lực hết mình để hoàn thành nhiệm vụ được giao, góp phần hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.

- Bên cạnh đó, Công ty đã rà soát, hiệu chỉnh các quy chế quy định liên quan đến công tác quản lý doanh nghiệp, đảm bảo mọi hoạt động của Công ty thực hiện theo đúng các văn bản hiện hành của cấp trên và phù hợp với công cụ quản lý, đáp ứng kỳ vọng của Công ty.
- Với phiên bản ISO 9001:2008, Công ty đã chủ động tìm hiểu, rà soát, hiệu chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện để tiến tới chuyển đổi thành công sang phiên bản mới ISO 9001:2015.

5.2. Công tác nâng cao năng lực quản trị:

- Năm 2016, Công ty đã thiết lập mục tiêu “nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực quản lý. Quản trị tri thức và nâng cao tinh thần đồng đội”, đây là một trong 4 nội dung của mục tiêu chất lượng năm 2016 và là một trong các tiêu chí quan trọng trong hệ thống mục tiêu (BSC) năm 2016 của Công ty.
- Bằng việc thiết lập và giao chỉ tiêu trong hệ thống mục tiêu năm 2016, Công ty đã xác định tập trung nâng cao trình độ và kiến thức chuyên môn cho CBCNV nhằm đáp ứng tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị trong năm 2016 và hướng tới hoàn thành chiến lược Công ty giai đoạn 2013 – 2017 về đào tạo đội ngũ chủ nhiệm/chủ trì các cấp nói riêng và các chỉ tiêu phát triển Công ty nói chung.
- Công ty đã thiết kế/cử tham dự các khóa đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tạo điều kiện để các cá nhân được tiếp cận công nghệ mới, tiên tiến để ứng dụng vào quá trình tư vấn và thiết kế dự án. Song song đó là việc chú trọng và đẩy mạnh công tác đào tạo nội bộ, đây là một trong các tiêu chí quan trọng trong BSC 2016, được thực hiện trên cơ sở phát huy tính hiệu quả của công tác này trong những năm qua.

5.3. Công tác nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến:

- Công ty luôn tạo điều kiện và khuyến khích các cá nhân nghiên cứu khoa học, phát huy sáng kiến cải tiến và ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm dịch vụ tư vấn. Cụ thể trong năm 2016, Công ty đã thực hiện được 15 đề tài nghiên cứu khoa học và trên 80 sáng kiến cải tiến đã được ứng dụng trong công việc.

5.4. Thực thi văn hóa doanh nghiệp và Quy tắc ứng xử:

- Công ty tiếp tục thực hiện các nội dung, hệ giá trị ... đã được chi tiết hóa trong tài liệu Văn hóa Doanh nghiệp và Quy tắc ứng xử. Kết quả đến nay sau 4 năm áp dụng Quy tắc ứng xử và tài liệu Văn hóa Doanh nghiệp, Công ty đã ghi nhận hiệu quả đạt được một cách rõ rệt, giúp nâng cao tinh thần làm việc, ý thức vai trò trách nhiệm, tinh thần đoàn kết đã được phát huy tối

đa giữa các bộ phận, giữa các cá nhân góp phần hoàn thành mục tiêu chung của Công ty.

- Năm 2016 Công ty tiếp tục thực hiện chuyên mục Văn hóa trên Website Công ty và thực hiện các phóng sự về Văn hóa, thông qua hoạt động này đã nâng cao hơn nữa hiệu quả của việc thực thi Văn hóa doanh nghiệp, Quy tắc ứng xử vào công việc và quan hệ trong công việc.

5.5. Chăm lo điều kiện làm việc cho cán bộ kỹ sư:

- Đảm bảo điều kiện làm việc tốt nhất cho cán bộ kỹ sư và người lao động. Đặc biệt là công tác tư vấn giám sát thi công ở các công trường, Công ty đã triển khai xây dựng khu nhà ở cho các kỹ sư TVGS Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 và Vĩnh Tân 4 MR, khởi công vào ngày 10/12/2015 đã hoàn thành và đưa vào sử dụng ngày 30/4/2016. Các công trường mới triển khai, Công ty cũng quan tâm triển khai điều kiện ăn ở làm việc tốt nhất cho các bộ kỹ sư như: Thủy điện Đa Dâng, Thủy điện Đa Nhim Mở rộng ...

6. Kế hoạch phát triển trong tương lai

6.1. Mục tiêu

- Quản lý tiến độ và chất lượng dịch vụ tư vấn; chú trọng việc phúc đáp các yêu cầu của Khách hàng.
- Các hệ thống quản lý cốt lõi được áp dụng hiệu quả: phát triển thị trường và chăm sóc khách hàng, quản lý dự án, quản lý tri thức và phát triển năng lực đội ngũ. Tuân thủ quy trình, kiểm soát chất lượng nội bộ. Ứng dụng BIM vào sản phẩm.
- Nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực quản lý, quản trị tri thức. Doanh thu.

6.2. Định hướng kế hoạch doanh thu sau năm 2017:

- Tiếp tục phát huy thế mạnh về sản phẩm truyền thống của công ty là dịch vụ tư vấn khảo sát thiết kế các dự án điện.
- Thực hiện tốt các sản phẩm tư vấn truyền thống như: khảo sát, thiết kế, lập dự án và các công tác tư vấn liên quan đến nguồn và lưới điện với khách hàng lớn là Tập đoàn Điện lực Việt Nam, Tập đoàn dầu khí Việt Nam, Tập đoàn Than khoáng sản Việt nam, các Tổng Công ty Phát Điện thuộc EVN, các Tổng Công ty Điện lực thuộc EVN và Tổng Công ty truyền tải điện Quốc Gia (NPT).
- Thực hiện tốt về tiến độ và chất lượng các công tác tư vấn quy hoạch, thẩm tra do Bộ Công Thương và Tổng Cục Năng lượng triển khai, các dự án do các Sở Công thương các tỉnh làm Chủ đầu tư.
- Đẩy mạnh phát triển các sản phẩm mới là năng lượng tái tạo và môi trường đặc biệt là các sản phẩm về điện mặt trời.

- Thực hiện sản phẩm mới là thuê và quản lý chuyên gia nước ngoài thực hiện các dự án nhiệt điện tại Việt Nam.

6.3. Các giải pháp thực hiện

- Tăng cường công tác quan hệ khách hàng, tìm kiếm và phân tích thông tin để tiếp cận được nhiều khách hàng, chào hàng và xúc tiến hợp đồng tư vấn. Đẩy mạnh các hoạt động marketing phù hợp và linh hoạt theo định hướng khách hàng.
- Tăng cường chất lượng hồ sơ chào thầu và thực hiện đấu thầu theo qui trình QT-KH-04. Thường xuyên tổ chức các cuộc họp rút kinh nghiệm sau mỗi lần đấu thầu không thành công.
- Chủ động sáng tạo, nghiên cứu, đề xuất sự cần thiết để tạo nhu cầu đầu tư các Công trình Điện cho khách hàng nhằm tìm kiếm những công việc mới.
- Kiểm soát chặt chẽ chi phí thực hiện công tác tư vấn. Thực hiện cơ chế khoán tiền lương và khoán định mức chi phí đối với các đơn vị chủ lực của công ty như: Trung tâm Nhiệt điện và điện hạt nhân, Phòng Thiết kế đường dây, phòng Thiết kế trạm và Phòng Môi Trường.
- Thu thập và phân tích thông tin tài chính, chuẩn bị những điều kiện cần thiết để dự đoán nhu cầu và đưa ra các quyết định tối ưu liên quan đến mục tiêu hoạt động kinh doanh phù hợp, đảm bảo sự tăng trưởng và phát triển, tối đa hóa doanh thu, tối đa hóa lợi nhuận và đảm bảo lợi ích tối ưu cho cổ đông.
- Quản lý hiệu quả tiến độ chất lượng dịch vụ tư vấn. Chú trọng việc phúc đáp yêu cầu của khách hàng.
- Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, hồ sơ tư vấn phải được thực hiện theo đúng qui trình qui phạm và thỏa mãn yêu cầu hợp lý của khách hàng.
- Tuân thủ quy trình. Ứng dụng công nghệ mới, kiểm soát chất lượng nội bộ. Cải tiến liên tục các quy trình nhằm nâng cao hiệu lực hệ thống quản lý chất lượng phiên bản ISO 9001:2015, rà soát và hiệu chỉnh các quy trình liên quan đảm bảo hệ thống quản lý vận hành tốt.
- Áp dụng triệt để và có hiệu quả thang bảng lương mới. Đánh giá theo các chỉ tiêu trọng yếu (KPI) đến từng cá nhân cán bộ kỹ sư.
- Tiếp tục áp dụng hệ thống quản lý và đánh giá công việc (KPI, KPO) thông qua bảng điểm cân bằng (BSC) trong tất cả các đơn vị của Công ty.
- Trang bị các phương tiện làm việc hiện đại, trang bị và áp dụng các phần mềm tiên tiến, hiện đại có bản quyền nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm tư vấn.
- Thực hiện tốt công tác tuyên truyền phổ biến quán triệt đến toàn thể CBCNV về các mục tiêu nhiệm vụ kế hoạch sản xuất năm 2017; Tổ chức

phát động các phong trào thi đua, lao động sáng tạo tại các đơn vị, thi đua giữa các khối nhằm hoàn thành chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, tạo khí thế sôi động trong sản xuất.

- Nâng cao năng lực chuyên môn, năng lực quản lý của cán bộ quản lý cấp đơn vị, cấp chủ nhiệm lập dự án. Quản trị tri thức và nâng cao tinh thần đồng đội.
- Xây dựng Văn hóa công ty, tăng cường việc giám sát nội qui lao động. Nâng cao tính tự giác, kích thích niềm đam mê, lòng yêu nghề, nhiệt huyết trong công việc được đảm nhận.
- Đào tạo nâng cao các kỹ năng cơ bản của kỹ sư tư vấn, kích thích phối hợp làm việc nhóm. Tăng cường công tác tự đào tạo và đào tạo nội bộ để tăng hiệu quả và giảm chi phí đào tạo đặc biệt là các kỹ năng mềm như quản lý, làm việc nhóm và ngoại ngữ.
- Đẩy mạnh nghiên cứu và áp dụng các đề tài khoa học kỹ thuật, các sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào công tác chuyên môn nghiệp vụ của Công ty.
- Đẩy mạnh công tác tìm kiếm việc làm, nâng cao doanh thu, nâng cao thu nhập cho người lao động, góp phần tạo ổn định đời sống, từ đó an tâm đóng góp nhiều cho Công ty.

7. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có):

Công ty kiểm toán đã chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2016 của Công ty.

8. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải):

Công ty đã có những chỉ đạo và quyết sách phù hợp, đáp ứng tốt các quy định của pháp luật và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với môi trường, xã hội.

- b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

Hàng quý công ty đều có tổ chức các cuộc họp đối thoại với người lao động, hàng năm công ty tổ chức hội nghị người lao động để từ đó lắng nghe và giải quyết các yêu cầu và kiến nghị chính đáng của người lao động. Công ty cũng đã luôn có những cải tiến về chính sách tiền lương, các quy định về phúc lợi xã hội nhằm đáp ứng cao nhất đời sống vật chất, tinh thần cho Người lao động.

- c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Công ty đã hoàn thành tốt các nghĩa vụ đối với địa phương nơi doanh nghiệp đặt trụ sở chính. Năm 2015 Công ty đã được nhận bằng khen của quận đội quận 3 thành phố Hồ Chí Minh vì đã có thành tích xuất sắc trong công tác an ninh quốc phòng.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2016 là năm hoạt động thứ 9 của Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 với những điều kiện thuận lợi và khó khăn như sau:

a) Thuận lợi:

- Năm 2016 là năm Công ty kế thừa những thành công của năm 2015, nên đã tạo điều kiện thuận lợi cho những hoạt động sản xuất và kinh doanh cũng như tinh thần lao động của toàn thể người lao động trong Công ty.
- Ban điều hành luôn đoàn kết, có đủ năng lực, tinh thần trách nhiệm cao, luôn hết lòng vì quyền lợi của Công ty. Đồng thời Công ty có đội ngũ cán bộ, kỹ sư giàu kinh nghiệm và nhiệt tình công tác, nhờ đó đã tạo nên động lực quan trọng góp phần tích cực vào việc hoàn thành KH năm 2016.

b) Khó khăn:

- Các khó khăn về kinh tế toàn cầu nói chung và Việt nam nói riêng đã làm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty, nhiều dự án đang được tiến hành nhưng do thiếu vốn nên bị dừng lại hoặc giảm tiến độ đầu tư làm ảnh hưởng đến công tác khảo sát, thiết kế của Công ty..
- Sự cạnh tranh quyết liệt của nền kinh tế thị trường và của các công ty tư vấn trong ngành điện cũng là một thách thức to lớn đòi hỏi sự nỗ lực phấn đấu vươn lên của Lãnh đạo cũng như toàn thể NLĐ trong công ty.

Với những thuận lợi và khó khăn nêu trên, HĐQT đã lãnh đạo Công ty tận dụng mọi cơ hội để tìm kiếm việc làm đồng thời phấn đấu vượt qua mọi thử thách để thực hiện thành công KHSX và KHTC đã được ĐHCĐ năm 2016 thông qua.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty:

- a) Đặc điểm của Ban điều hành Công ty là tất cả các thành viên trong Ban điều hành đều năng động, giỏi chuyên môn, nhiệt tình trong công việc, không ngại khó, dám nghĩ dám làm, và đặc biệt là đoàn kết nội bộ cao đã là nền tảng của mọi thành công của Công ty trong năm 2016.
- b) Ban điều hành đã duy trì các cuộc họp tiến độ với nội dung đi vào chiều sâu, vào chất lượng và tiến độ của từng dự án nên đã đáp ứng được các yêu cầu của khách hàng từ đó góp phần quan trọng vào việc hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

a) Kế hoạch công tác:

HĐQT chỉ đạo và phối hợp với Ban điều hành Công ty để thực hiện thành công kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính năm 2017, với các chỉ tiêu mà ĐHCĐ sẽ thông qua trong kỳ Đại hội dự kiến sẽ được tổ chức vào cuối tháng 4 năm 2017.

b) Các hoạt động khác:

- Giải quyết và ban hành kịp thời các chính sách, quy định trong các lĩnh vực mới phát sinh nhằm đáp ứng tốt công tác quản lý của Công ty.

c) Biện pháp thực hiện:

- Duy trì các hoạt động của HĐQT và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành trong việc quản lý Công ty.
- Hỗ trợ Ban điều hành trong công tác điều hành cũng như tìm kiếm thêm việc làm cho công ty bằng cách ban hành kịp thời các quy chế, quy định về quản lý để áp dụng trong Công ty
- Thường xuyên theo dõi, kiểm tra và nhắc nhở Ban điều hành để công tác quản lý đạt hiệu quả cao nhất.

V. Quản trị công ty .

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

- Ông Thái Tuấn Tài - Chủ tịch HĐQT

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1962;

Nơi sinh: 870 Trần Hưng Đạo, Quận 5, TP Hồ Chí Minh;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật; chuyên ngành điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1987: Tốt nghiệp Kỹ sư điện, chuyên ngành Điện khí hóa và Tự động hóa khai thác mỏ tại trường Đại học Mỏ Mátxcova.

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Bách khoa Thành phố Hồ Chí Minh.

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM.

Quá trình công tác: 27 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2009 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2003 đến 12/2007: Phó Giám đốc Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1999 đến 4/2003: Trưởng phòng Thiết kế trạm Công ty Tư vấn XD điện 3;

Từ 1997 đến 1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

Từ 1988 đến 1997: Nhân viên Thiết kế điện Trung tâm Năng lượng;

- Ông Tôn Thất Hùng: Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 11 tháng 5 năm 1961;

Nơi sinh: Nha Trang, Khánh Hòa;

Học vị: Kỹ sư - Thạc sĩ Kỹ thuật chuyên ngành hệ thống điện.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1983: Tốt nghiệp Kỹ sư Điện - Đại học Bách khoa Đà Nẵng;

Năm 2004: Tốt nghiệp Thạc sĩ kỹ thuật, chuyên ngành Hệ thống Điện tại trường Đại học Đà Nẵng.

Năm 2008: Tốt nghiệp Cao học Quản trị kinh doanh tại Đại học Bách khoa Hà Nội

Năm 2012: Tốt nghiệp Cao cấp chính trị - Học viện chính trị, hành chính tại thành phố HCM

Quá trình công tác: 32 năm công tác trong ngành điện:

Từ 2008 đến nay: Ủy viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2007 đến 2008: Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 3/1999 đến 12/2007: Trưởng đoàn Tư vấn khảo sát thiết kế miền Trung Công ty Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 1992 đến 3/1999: Phó Trưởng phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

Từ 1983 đến 1992: Nhân viên phòng Thiết kế trạm Phân viện Thiết kế điện Nha Trang;

- Ông Nguyễn Phú Gia: Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 20 tháng 02 năm 1955;

Nơi sinh: Hà Nội;

Học vị: Tiến sỹ - Nhiệt lò hơi.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1979: Tốt nghiệp Kỹ ngành máy và kỹ thuật điện đại học luyện kim Tiệp Khắc;

Năm 1983: Tốt nghiệp Tiến sỹ ngành thiết bị năng lượng tại Tiệp Khắc .

Năm 1983-1988: Trung tâm thí nghiệm điện Hà Nội;

Quá trình công tác:

Từ 2015 đến nay: Cán bộ hưu trí, Ủy viên HĐQT, Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Từ 2002 - 2015 : Phó Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;

Từ 1997- 2002 : Ban thẩm định Tập đoàn - EVN;

Từ 1996 đến 1997: Phó phòng nhiệt điện - Viện Năng lượng;

Từ 1988 đến 1996: phòng nhiệt điện - Viện Năng lượng;

Từ 1983 đến 1988: Trung tâm thí nghiệm điện Hà Nội.

- Ông Trần Văn Lê Hà: Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 05 tháng 06 năm 1957;

Nơi sinh: Kiên Giang;

Học vị: Kỹ sư điện, cử nhân luật.

Quốc tịch: Việt Nam;

Quá trình đào tạo:

Năm 1978: Công nhân kỹ thuật điện;

Năm 1992: Kỹ sư hệ thống điện .

Năm 2002: Cử nhân luật học

Quá trình công tác:

Từ 2014 đến nay: Trưởng ban KS nội bộ TCT điện lực Tp. HCM

Từ 1984 - 1992 : Công tác tại TCT điện lực Tp. HCM

Từ 1992- 1975 : Công tác tại Nhà máy nhiệt điện Thủ Đức

- Ông Phạm Văn Thuận: Ủy viên HĐQT

Sinh ngày: 11 tháng 10 năm 1958;

Nơi sinh: Thái Bình;

Học vị: Kỹ xây dựng.

Quốc tịch: Việt Nam;

Hiện nay ông Phạm Văn Thuận đang công tác tại Tập đoàn điện lực Việt Nam với chức danh là Phó Ban Quản lý đầu tư. Ông Phạm Văn Thuận là người đại diện phần vốn của Tập đoàn điện lực Việt Nam tại công ty cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3.

- Danh sách và cổ phần của các thành viên HĐQT

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phiếu sở hữu	Số cổ phiếu đại diện
1	Thái Tuấn Tài	CT. HĐQT	10.626	819.960 (20,21% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
2	Phạm Văn Thuận	UV. HĐQT	1.740	579.367 (14,28% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)

3	Tôn Thất Hùng	UV. HĐQT	10.575	579.367 (14,28% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN)
4	Trần Văn Lê Hà	UV. HĐQT		506.566 (12,48% vốn điều lệ) Đại diện phần vốn của Tổng công ty điện lực TP.HCM
5	Nguyễn Phú Gia (Thành viên HĐQT độc lập)	UV. HĐQT	8.014	0

- Ông Nguyễn Phú Gia là thành viên Hội đồng quản trị độc lập, ông được các cổ đông bầu vào hội đồng quản trị trong kỳ đại hội ngày 27 tháng 4 năm 2012. Ông Nguyễn Phú Gia được đào tạo tại nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Tiệp khắc với bằng tốt nghiệp là Tiến sỹ về ngành nhiệt cơ học. Hiện nay ông Nguyễn Phú Gia là cán bộ hưu trí và ông luôn tham gia đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và các công tác giám sát, kiểm tra của Hội đồng quản trị đối với ban điều hành của Công ty.

- Ô Nguyễn Văn Long, Chánh Văn Phòng Công ty được Hội đồng quản trị bầu làm kiêm nhiệm chức vụ Thư ký Công ty, đồng thời được ủy quyền là người công bố thông tin.

+ ĐT: 0963 911 865

+ Email: longnv@pecc3.com.vn

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có các tiểu ban thuộc HĐQT.

c) Hoạt động giám sát của HĐQT đối với ban Tổng Giám đốc

Mỗi hai tuần một lần đại diện của HĐQT đều tham dự cuộc họp giao ban sản xuất do Tổng Giám đốc chủ trì với sự tham dự của các trưởng đơn vị

và Giám đốc các Chi nhánh. Trong suốt quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, các thành viên Hội đồng quản trị đều quan tâm và có các hoạt động kiểm tra, giám sát, đặc biệt đối với các dự án lớn hoặc có tiến độ thực hiện khẩn trương.

d) Các cuộc họp của HĐQT:

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch HĐQT	08	100%	
2	Ông Tôn Thất Hùng	Ủy viên HĐQT	08	100%	
3	Ông Nguyễn Phú Gia	Ủy viên HĐQT	07	87%	Bận đi công tác
4	Ông Phạm Văn Thuận	Ủy viên HĐQT	05	62%	Bận đi công tác
5	Ông Trần Văn Lê Hà	Ủy viên HĐQT	08	100%	

e) Các nghị quyết của Hội đồng quản trị và kết quả thực hiện

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung chủ yếu	Tình hình thực hiện
1	0008/NQ-HĐQT (Họp HĐQT quý I năm 2016)	13/01/2016	<p>Điều 1. Thông qua kết quả SXKD năm 2015 như sau:</p> <p>Doanh thu đạt được trong năm 2015: 260, 260 tỷ đồng</p> <p>Lợi nhuận sau thuế ước đạt: 16.000 triệu đồng.</p> <p>Điều 2. Thông qua kế hoạch SXKD năm 2016 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:</p> <p>2.1 Tổng doanh thu năm 2016: 291,580 tỷ đồng</p>	<p>Đã thực hiện</p> <p>Đã thực hiện</p>

			<p>2.2 Đầu tư XD, mua sắm TSCĐ và đầu tư TC năm 2016: 22,336 tỷ đồng</p> <p>Điều 3. Thông qua đơn giá tiền lương năm 2016</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đơn giá tiền lương thiết kế tự làm: 540đ/1000đ - Đơn giá tiền lương giám sát thi công tự làm: 590đ/1000đ - Đơn giá tiền lương khảo sát tự làm: 520đ/1000đ. <p>Điều 4. Thông qua việc điều chỉnh quy chế lương:</p> <p>HĐQT ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành quy chế lương điều chỉnh.</p> <p>Điều 5. Thông qua kế hoạch tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2016.</p> <p>Công ty dự kiến tổ chức đại hội cổ đông thường niên năm 2016 vào cuối tháng 4 năm 2016.</p>	<p>Đã thực hiện</p> <p>Đã thực hiện</p> <p>Đã thực hiện</p>
2	0028/NQ-HĐQT (Họp lấy ý kiến bằng văn bản)	22/03/2016	<p>Điều 1. HĐQT Thống nhất chủ trương “chuyển nhượng quyền sử dụng đất” khu đất 1000m² tại phường Hòa Cường, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.</p>	<p>Đã thực hiện xong công việc “chuyển nhượng quyền sử dụng đất” khu đất 1000m² tại phường Hòa Cường, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.</p>
3	0036/NQ-HĐQT (Họp HĐQT quý II năm 2016)	21/04/2016	<p>Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất thông qua chương trình, các báo cáo và các tờ trình gửi Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.</p>	<p>Đã thực hiện</p>

			<p>Điều 2. HĐQT thông qua quyết toán quỹ tiền lương năm 2015, chi tiết cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng doanh thu tự làm để tính lương: - Tổng quỹ lương thực hiện: 116.428.450.209 đồng - Tiền lương tháng bình quân: <p>Điều 3. Hội đồng quản trị thống nhất giao cho Tổng Giám đốc thực hiện các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch ngân sách kinh doanh hàng năm, tuy nhiên giá trị vượt không quá 500.000.000 đồng.</p>	<p>Đã thực hiện</p> <p>Đã thực hiện</p>
4	0063/NQ- HĐQT (Họp lấy ý kiến bằng văn bản)	11/05/2016	<p>Điều 1. HĐQT Thống nhất mức tiền lương của bà Trương Thị Anh Đào – Trưởng ban Kiểm soát Công ty kể từ tháng 05 năm 2016 là 21.000.000 đồng/tháng (Hai mươi một triệu đồng).</p> <p>Điều 2. HĐQT thống nhất phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2015.</p> <p>Thống nhất việc đăng ký niêm yết với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng ký lưu ký toàn bộ số cổ phiếu phát hành thêm với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam sau khi hoàn tất việc phát hành thêm.</p>	<p>Đã thực hiện</p> <p>Đã thực hiện</p>
5	0079/NQ- HĐQT (Họp lấy ý kiến bằng văn bản)	27/05/2016	<p>Điều 1. HĐQT Thống nhất ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức năm 2015 là ngày 20 tháng 06 năm 2016.</p>	Đã thực hiện
6	0091/NQ- HĐQT (Họp lấy ý	14/06/2016	<p>Điều 1. HĐQT quyết định chọn Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY</p>	Đã thực hiện

	kiến bản văn bản)		là đơn vị kiểm toán cho Công ty năm 2016. Điều 2. HĐQT giao cho Tổng Giám đốc tổ chức đàm phán và ký kết hợp đồng với Công ty TNHH dịch vụ kiểm toán và tư vấn UHY với điều kiện giá không được vượt nhà thầu có giá thấp nhất.	Đã thực hiện
7	0098/NQ-HĐQT (Họp thường kỳ quý III năm 2016	07/07/2016	Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất việc hiệu chỉnh quy chế phân cấp cho các Chi nhánh của Công ty theo hướng: Tăng tỷ lệ phân cấp để kích thích các Chi nhánh chủ động hơn trong công tác nghiệm thu thanh toán với khách hàng; a) Tăng tỷ lệ phân cấp đối với công việc khảo sát tự tìm; b) Làm rõ hơn về việc thuê thầu phụ; c) Có chính sách khen thưởng để kích thích các Chi nhánh tiết kiệm chi phí. Điều 2. Hội đồng quản trị ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT ký ban hành quy chế hiệu chỉnh nêu trên:	Đã thực hiện
8	0153/NQ-HĐQT (Họp thường kỳ quý IV năm 2016	14/10/2016	Điều 1. Hội đồng quản trị thống nhất ghi nhận kết quả SXKD 09 tháng đầu năm và các giải pháp triển khai nhiệm vụ SXKD các tháng còn lại của năm 2016.	Đã thực hiện

f) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

- Ông Thái Tuấn Tài - Chủ tịch Hội đồng quản trị
- Ông Tôn Thất Hùng - Thành viên Hội đồng quản trị

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành.

TT	Họ & Tên	Chức vụ	Số CMND	Đ/Chỉ	SL cổ phiếu sở hữu	Tỷ lệ
1	Trương Thị Anh Đào (Tốt nghiệp đại học TCKT và là kế toán viên)	Trưởng BKS	024654756	18D4 Phan Chu Trinh, P.2, Q.Bình Thạnh, TP.HCM	1.127	0,033%
2	Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên BKS	012212614	P512, L1, 93 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	0	0
3	Phạm Duy Hải	Thành viên BKS	021862015	383B/37 Bến Chương Dương, P.Cầu Kho, Q.I, Tp.HCM	3.450	0,102%

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã thực hiện và tiến hành các hoạt động theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 cũng như tuân thủ các quy định khác của pháp luật:

- Thực hiện giám sát hoạt động và tuân thủ theo quy định của Pháp luật và điều lệ Công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý điều hành Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các nội dung của Nghị quyết đã được đại hội cổ đông thường niên thông qua ngày 22-04-2016.
- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị và một số buổi họp của ban lãnh đạo về kế hoạch kinh doanh và báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch năm 2016.
- Đã đề xuất lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2016 bao gồm giai đoạn soát xét báo cáo tài chính 6 tháng năm 2016 và báo cáo tài chính cả năm 2016.

- Triển khai thực hiện các 02 đợt kiểm soát :

* Đợt 1: kiểm soát báo cáo tài chính năm 2015 trước khi tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên với các nội dung kiểm soát bao gồm :

- + Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị năm 2015.
- + Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2015.
- + Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2015.
- + Các nội dung khác như: Tình hình công nợ phải thu, phải trả năm 2015; Thu nhập của HĐQT và BKS năm 2015; Tình hình ĐTXD; Đầu tư tài chính dài hạn; Mua sắm TSCĐ; Mua sắm Công cụ dụng cụ và trang thiết bị; Tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại Biên bản Kiểm soát ngày 20/3/2015 và Biên bản Kiểm soát ngày 21/8/2015,...

* Đợt 2: kiểm soát báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2016 của Chi nhánh Công ty CP TVXDĐ3 - Chi nhánh miền Trung với các nội dung kiểm soát bao gồm :

- + Xem xét tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016.
- + Xem xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2016.
- + Các nội dung khác như: Phân phối tiền lương; Hợp đồng thuê ngoài; Chi tiêu nội bộ; Đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ,... các hoạt động theo phân cấp của Chi nhánh.

c) Các biên bản của Ban Kiểm soát

1	Biên bản	Ngày	Nội dung
1	Biên bản làm việc giữa BKS và Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3	23/03/2016	<ul style="list-style-type: none"> + Kiểm tra việc thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Hội đồng quản trị năm 2015. + Đánh giá tình hình quản lý, điều hành sản xuất kinh doanh năm 2015. + Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2015. + Các nội dung khác, kiểm soát tình hình thực hiện các kiến nghị của Ban Kiểm soát tại Biên bản Kiểm soát kỳ trước.
2	Biên bản làm việc giữa BKS và Chi nhánh Công ty CP Tư vấn Xây dựng Điện 3 – Chi nhánh miền	24/8/2016	<ul style="list-style-type: none"> + Xem xét tình hình sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2016. + Xem xét công tác tài chính kế toán 6 tháng đầu năm 2016. + Các nội dung khác như: Phân phối tiền lương; Hợp đồng thuê ngoài; Chi tiêu nội bộ;

	Trung		Đầu tư xây dựng và mua sắm TSCĐ,...các hoạt động theo phân cấp của Chi nhánh.
--	-------	--	---

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thù lao, các khoản lợi ích:

- Hội đồng quản trị:

- Ông Thái Tuấn Tài – Chủ tịch HĐQT kiêm TGD: 431.304.800 đồng
- Ông Tôn Thất Hùng – UVHĐQT kiêm Phó TGD: 474.389.240 đồng
- Ông Phạm Văn Thuận – UV HĐQT: 60.000.000 đồng
- Ông Trần Văn Lê Hà – UV HĐQT): 60.000.000 đồng
- Ông Nguyễn Phú Gia – UV HĐQT: 60.000.000 đồng

- Ban Tổng giám đốc:

- Ông Nguyễn Trí Trinh – Phó Tổng giám đốc: 659.955.201 đồng
- Ông Trần Lê Minh – Phó Tổng giám đốc: 897.887.896 đồng

- Ban Kiểm soát:

- Bà Trương Thị Anh Đào – Trưởng Ban kiêm nhiệm: 345.156.107 đồng
- Bà Nguyễn Minh Hiếu – Thành viên kiểm soát: 46.000.000 đồng
- Ông Phạm Duy Hải – Thành viên kiêm nhiệm: 131.170.467 đồng

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có giao dịch

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán:

“Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tổng hợp.”

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		207.382.382.520	177.533.651.537
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	79.420.409.305	51.134.559.843
Tiền	111		56.798.473.305	34.451.919.843
Các khoản tương đương tiền	112		22.621.936.000	16.682.640.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	817.090.000	5.990.206.666
Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		596.300.000	5.769.416.666
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		94.186.059.111	90.743.005.211
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	74.657.841.722	77.854.827.846
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		18.529.695.867	17.558.967.880
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	8.130.784.249	2.409.267.622
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(7.132.262.727)	(7.080.058.137)
Hàng tồn kho	140	11	32.823.111.492	29.521.064.627
Hàng tồn kho	141		32.823.111.492	29.521.064.627
Tài sản ngắn hạn khác	150		135.712.612	144.815.190
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	135.712.612	144.815.190
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		52.079.861.720	45.073.132.876
Các khoản phải thu dài hạn	210		153.000.000	153.000.000
Phải thu dài hạn khác	216		153.000.000	153.000.000
Tài sản cố định	220		29.818.962.463	30.265.196.458
Tài sản cố định hữu hình	221	13	19.965.552.385	15.579.550.189
- Nguyên giá	222		46.543.359.517	40.642.812.775
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.577.807.132)	(25.063.262.586)
Tài sản cố định vô hình	227	14	9.853.410.078	14.685.646.269
- Nguyên giá	228		13.616.194.379	17.897.175.882
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.762.784.301)	(3.211.529.613)
Tài sản dở dang dài hạn	240	12	311.190.280	311.190.280
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		311.190.280	311.190.280
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	19.450.000.000	11.350.000.000
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253		19.450.000.000	11.350.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		2.346.708.977	2.993.746.138
Chi phí trả trước dài hạn	261	10	2.346.708.977	2.993.746.138
TỔNG TÀI SẢN	270		259.462.244.240	222.606.784.413

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		172.371.348.955	145.672.774.898
Nợ ngắn hạn	310		172.371.348.955	145.672.774.898
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	6.575.795.150	4.322.049.111
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		66.302.064.711	55.826.266.141
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5.921.082.664	6.023.251.228
Phải trả người lao động	314		78.484.930.289	67.363.835.162
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	6.782.365.633	4.880.162.188
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	7.708.667.401	6.969.637.961
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		596.443.107	287.573.107
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		87.090.895.285	76.934.009.515
Vốn chủ sở hữu	410	19	87.090.895.285	76.934.009.515
Vốn góp của chủ sở hữu	411		40.571.640.000	33.810.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.571.640.000	33.810.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		45.000.000	45.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
Quỹ đầu tư phát triển	418		32.378.928.577	30.809.499.798
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		14.095.466.708	12.269.649.717
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		1.198.087.938	1.789.415.096
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		12.897.378.770	10.480.234.621
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG NGUỒN VỐN	440		259.462.244.240	222.606.784.413

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	307.539.895.943	260.715.364.428
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	657.704.809	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		306.882.191.134	260.715.364.428
Giá vốn hàng bán	11	23	237.153.469.542	202.678.319.445
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		69.728.721.592	58.037.044.983
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	1.251.004.577	2.758.732.331
Chi phí tài chính	22	25	372.590.334	110.664.636
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	26	9.916.812.849	8.677.484.640
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	45.109.817.364	38.038.167.965
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		15.580.505.622	13.969.460.073
Thu nhập khác	31	27	1.461.868.251	644.939.447
Chi phí khác	32	28	742.903.283	577.495.609
Lợi nhuận khác	40		718.964.968	67.443.838
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.299.470.590	14.036.903.911
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	3.402.091.820	3.556.669.290
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		12.897.378.770	10.480.234.621
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	2.709	2.029
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	30	2.709	2.029

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Lợi nhuận trước thuế	01		16.299.470.590	14.036.903.911
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		3.224.621.731	2.688.309.895
Các khoản dự phòng	03		57.018.797	403.381.155
Lãi, lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(617.715.403)	(1.197.757.938)
Lãi, lỗ hoạt động đầu tư	05		(2.647.228.333)	(1.559.735.362)
Chi phí lãi vay	06		-	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		16.316.167.382	14.371.101.661
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(3.344.237.521)	(33.550.623.786)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(3.302.046.865)	58.686.140
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		26.620.483.677	(6.523.747.215)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		656.139.739	185.530.046
Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.182.819.585)	(4.315.587.842)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		10.000.000	68.000.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(751.130.000)	(1.752.390.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		33.022.556.827	(31.459.030.996)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(8.243.607.696)	(7.575.959.926)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		6.083.382.273	102.727.272
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(617.525.000)	(535.888.889)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		5.769.416.666	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(8.100.000.000)	(4.000.000.000)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	8.766.472.223
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		542.747.283	1.503.667.271
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.565.586.474)	(1.738.982.049)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP)
(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2016	Năm 2015
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(706.285.650)	(6.416.446.056)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(706.285.650)	(6.416.446.056)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		27.750.684.703	(39.614.459.101)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	5	51.134.559.843	89.551.261.006
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		535.164.759	1.197.757.938
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	5	79.420.409.305	51.134.559.843

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) tên tiếng Anh là Power Engineering Consulting Joint Stock Company 3, viết tắt là PECC3, được chuyển đổi trên cơ sở cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3, doanh nghiệp nhà nước thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26/01/2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Hiện tại, Công ty đang hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 0301475102, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 17/11/2011, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 29/07/2016.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất là 40.571.640.000 đồng, chia thành 4.057.164 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2016 là 40.571.640.000 đồng chia thành 4.057.164 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần. Trong đó, Tập đoàn Điện lực Việt Nam nắm giữ 1.978.988 cổ phần tương ứng 19.789.880.000 đồng, chiếm 48,78% vốn điều lệ; Tổng Công ty Điện lực TP.HCM nắm giữ 506.566 cổ phần tương ứng 5.065.660.000 đồng, chiếm 12,49% vốn điều lệ, các cổ đông khác nắm giữ 1.571.610 cổ phần tương ứng 15.715.960.000 đồng, chiếm 38,73% vốn điều lệ.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 01 tháng 12 năm 2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là: TV3.

1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ xây dựng công trình điện và công trình dân dụng.

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty bao gồm:

- Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận chất lượng công trình xây dựng;
- Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính;
- Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực;
- Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy-nhiệt điện-nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp; dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt); dự án đường dây tải điện và trạm biến áp;
- Lập tổng dự toán công trình, Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng;
- Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình;
- Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông);
- Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp;
- Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CHÍNH (TIẾP)

- Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp;
- Thẩm tra thiết kế công trình;
- Tư vấn lập hồ sơ: đền bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác;
- Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến; Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu-đường bộ;
- Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản;
- Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện)./.

1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh của Công ty thông thường phụ thuộc theo tiến độ chung của dự án, do đó các công trình có thể kéo dài trong 1 năm hoặc hơn.

1.5 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP TRONG NĂM TÀI CHÍNH CÓ ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của công ty là tư vấn khảo sát, thiết kế, giám sát thi công các công trình xây dựng điện.

Khách hàng của Công ty chủ yếu là các Công ty trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam, theo đó, số lượng khách hàng phụ thuộc vào chất lượng và trình độ của các kỹ sư nhằm giúp tăng năng lực cạnh tranh so với các công ty trong cùng ngành. Bên cạnh đó, vấn đề về đầu tư phát triển mở rộng và nâng cấp các công trình điện cũng như việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty không có công ty con, công ty liên kết liên doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.6 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP (TIẾP)

Công ty có các chi nhánh và đơn vị phụ thuộc như sau:

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Hoạt động kinh doanh chính</u>
- Chi Nhánh Miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, xã Vĩnh Hiệp, TP.Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát thiết kế
- Xí nghiệp Khảo Sát và Xây dựng Điện	32 Ngô Thời Nhiệm, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát thiết kế

1.7 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

2.1 KỶ KẾ TOÁN

Kỷ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 năm dương lịch hàng năm.

2.2 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (“Thông tư 200”) và Thông tư 53/2016/T-BTC (“Thông tư 53”) của Bộ Tài chính ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200.

3.2 TUYÊN BỐ VỀ TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành để lập và trình bày các Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**4.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.2 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

4.3 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chúng khoán kinh doanh gồm các khoản chứng khoán và các công cụ tài chính khác nắm giữ vì mục đích kinh doanh tại thời điểm báo cáo (nắm giữ với mục đích chờ tăng giá để bán ra kiếm lời). Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Công ty trích lập dự phòng đối với phần giá trị bị tổn thất có thể xảy ra khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy giá trị thị trường của các loại chứng khoán đang nắm giữ vì mục đích kinh doanh bị giảm so với giá trị ghi sổ.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác gồm các khoản đầu tư góp vốn với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Thời điểm ghi nhận các khoản đầu tư tài chính dài hạn là thời điểm chính thức có quyền sở hữu. Khi lập Báo cáo tài chính, Công ty xác định giá trị khoản đầu tư bị tổn thất để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư căn cứ theo Báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư.

4.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi khoản dự phòng phải thu khó đòi và được phân loại trên bảng cân đối kế toán theo thời hạn thanh toán ước tính, phụ thuộc vào thời điểm phê duyệt kỹ thuật hồ sơ thiết kế.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư 200 và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228/2009/TT-BTC.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.5 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cho việc tiêu thụ chúng.

Giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền thời điểm.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Công ty thực hiện trích lập dự phòng theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228.

4.6 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá và hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản, phù hợp với tỷ lệ khấu hao đã được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 50
Máy móc thiết bị	05 – 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

4.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất của Công ty và phần mềm máy vi tính. Quyền sử dụng đất có thời hạn được trích khấu hao theo thời gian ghi trên Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao. Phần mềm quản lý được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.8 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC*****Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã được đưa vào sử dụng được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

Chi phí khác

Chi phí khác thể hiện chi phí chênh lệch khi xác định giá trị doanh nghiệp, chi phí phần mềm máy tính,...các chi phí này được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian không quá 3 năm.

4.9 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế đã phát sinh nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phải thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

4.10 NGOẠI TỆ

Công ty lựa chọn tỷ giá để áp dụng trong các giao dịch kế toán là Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ngân hàng TMCP An Bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua chuyển khoản ngoại tệ của các ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng thì tỷ giá thực tế khi đánh giá lại là tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản ngoại tệ.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: là tỷ giá bán chuyển khoản ngoại tệ của ngân hàng giao dịch tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá áp dụng khi thu hồi các khoản nợ phải thu của khách hàng là tỷ giá ghi sổ thực tế đích danh cho từng đối tượng khách nợ. Trường hợp khách nợ có nhiều giao dịch thì tỷ giá thực tế đích danh được xác định là tỷ giá bình quân gia quyền di động các giao dịch của khách nợ đó.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính được bù trừ với lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản nợ phải trả bằng ngoại tệ cuối năm tài chính. Sau khi bù trừ nếu còn lãi chênh lệch tỷ giá thì tính vào thu nhập khác trong thu

nhập tính thuế, nếu lỗ chênh lệch tỷ giá thì tính vào chi phí sản xuất kinh doanh chính khi xác định thu nhập chịu thuế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.11 NGUYÊN TẮC GHI NHẬN VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn đầu tư chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại Hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

4.12 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ

Doanh thu được xác định khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu thuần được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Đồng thời doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**4.12 NGUYÊN TẮC VÀ PHƯƠNG PHÁP GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ (TIẾP)***Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh và giá vốn*

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh, có liên quan đến việc hình thành doanh thu trong năm được tập hợp theo thực tế và trích trước theo đúng kỳ kế toán.

Việc ước tính khối lượng công việc làm cơ sở ghi nhận doanh thu căn cứ vào biên bản nghiệm thu, quyết toán từng đợt với Chủ đầu tư, Giám sát công trình. Do đó, giá vốn dịch vụ tư vấn, khảo sát, thiết kế được kết chuyển theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành tương ứng với doanh thu đã ghi nhận.

4.13 NGUYÊN TẮC KẾ TOÁN THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH***Ghi nhận ban đầu****Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

4.15 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn khảo sát thiết kế, theo đó, toàn bộ doanh thu phát sinh trong năm của Công ty là doanh thu liên quan đến hoạt động này. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016.

Phần lớn hoạt động của Công ty diễn ra trong lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, không có sự khác biệt về hoạt động kinh doanh của Công ty theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân bổ bao gồm tài sản, nợ phải trả, doanh thu từ hoạt động tài chính, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, lãi hoặc lỗ khác và thuế Thu nhập doanh nghiệp.

4.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Theo đó, Bên liên quan của Công ty là các Công ty trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam, các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối, các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Công ty và Các cổ đông nắm giữ số lượng cổ phiếu đáng kể.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Tiền mặt	71.060.738	191.807.071
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	56.727.412.567	34.260.112.772
Các khoản tương đương tiền (*)	22.621.936.000	16.682.640.000
Cộng	79.420.409.305	51.134.559.843

(*) Là tiền gửi có kỳ hạn gốc từ 03 tháng trở xuống tại các Ngân hàng thương mại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Tại 31/12/2016			Tại 01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a) Chứng khoán kinh doanh	220.790.000	220.790.000	-	220.790.000	220.790.000	-
- Công ty Cổ phần Thủy điện Miền Trung	220.790.000	220.790.000	-	220.790.000	220.790.000	-
	Tại 31/12/2016			Tại 01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND		Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		596.300.000	596.300.000	5.769.416.666	5.769.416.666	
b1) Ngắn hạn		596.300.000	596.300.000	5.769.416.666	5.769.416.666	
- Tiền gửi có kỳ hạn (1)		-	-	-	-	
+ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam		596.300.000	596.300.000	-	-	
+ Ngân hàng TMCP An Bình		-	-	5.769.416.666	5.769.416.666	
b2) Dài hạn		-	-	-	-	
	Tại 31/12/2016			Tại 01/01/2016		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	19.450.000.000	19.450.000.000	-	11.350.000.000	11.350.000.000	-
- Đầu tư vào đơn vị khác	19.450.000.000	19.450.000.000	-	11.350.000.000	11.350.000.000	-
+ Công ty CP EVN Quốc tế (2)	3.150.000.000	3.150.000.000	-	3.150.000.000	3.150.000.000	-
+ Công ty CP Phong Điện Thuận Bình (3)	16.300.000.000	16.300.000.000	-	8.200.000.000	8.200.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

- (1) Là khoản tiền gửi có kỳ hạn 01 năm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam mở ngày 06/06/2016 với lãi suất 0,3%/năm.
- (2) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc Tế với tỷ lệ góp 0,86% vốn điều lệ.
- (3) Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có vốn điều lệ 240 tỷ đồng, Công ty sẽ góp 10% vốn điều lệ. Vốn góp vào Công ty CP Phong Điện Thuận Bình được góp theo từng đợt. Đến ngày 31/12/2016, Công ty đã góp 16,3 tỷ đồng trong tổng số vốn các bên đã góp là 156,8 tỷ đồng, tương đương 10,4%.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ngắn hạn	8.130.784.249	-	2.409.267.622	-
- Phải thu thuế TNCN dự án TD Xekaman 1	282.168.182	-	315.135.512	-
- Phải thu người lao động	2.130.120.851	-	1.688.522.126	-
- Ký cược, ký quỹ	5.166.869.350	-	-	-
- Bảo hiểm xã hội	252.683.161	-	220.561.622	-
- Bảo hiểm y tế	214.443	-	-	-
- Phải thu lãi dự thu tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	66.062.818	-	14.003.286	-
- Phải thu ngắn hạn khác	232.665.444	-	171.045.076	-
Dài hạn	153.000.000	-	153.000.000	-
- Ký cược, ký quỹ	153.000.000	-	153.000.000	-
Cộng	8.283.784.249	-	2.562.267.622	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn	74.657.841.722	77.854.827.846
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	10.463.565.991	12.897.493.871
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	2.254.439.706	3.639.871.294
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	682.885.675	479.128.000
- Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	4.474.643.903	5.332.951.404
- Ban QLDA nhiệt điện 3	13.698.457.096	-
- Sở Công Thương Bạc Liêu	1.024.317.640	4.965.981.306
- Sở Công Thương Kon Tum	399.470.000	3.994.700.000
- Sở Công Thương Đắk Nông	-	4.265.757.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	41.660.061.711	42.278.944.971
Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	45.674.873.809	36.336.862.815
- Điện lực Long An - PC 2	387.163.652	-
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	943.342.059	537.202.856
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	3.282.726.096	221.513.591
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	10.463.565.991	12.897.493.871
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	2.254.439.706	3.639.871.294
- Ban QLDA lưới điện - Tổng Cty Điện lực miền Bắc	141.471.335	-
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	146.866.650	91.713.441
- Ban QLDA Lưới điện TP Hà Nội	74.026.366	-
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	924.825.245	1.184.083.720
- Ban QLDA nhà máy thủy điện Sơn La	14.246.200	-
- Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	-	5.332.951.404
- Ban QLDA nhiệt điện 3	13.698.457.096	-
- Ban QLDA nhiệt điện 2	-	38.203.000
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	682.885.675	479.128.000
- Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	1.264.489.054	1.263.941.474
- Ban QLDA thủy điện 1	2.215.549.877	3.792.729.331
- Ban QLDA Thủy điện 6	-	1.082.778.930
- Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4	20.006.505	20.006.505
- Công ty CP ĐT&PT Điện Sê San 3A	335.951.916	-
- Công ty CP ĐTKD Điện lực TPHCM	139.846.386	139.846.386
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 2	925.990.029	55.950.580
- Công ty CP thủy điện Đắk Nông	50.000.000	-
- Công ty CP Thủy điện miền Nam	38.522.610	-
- Công ty CP Thủy điện miền Trung	537.900.000	164.850.635
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh	334.679.100	390.516.000
- Công ty lưới điện Cao Thế Miền Trung	353.487.704	-
- Công ty Lưới điện cao thế TPHCM	13.285.938	13.285.938
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	14.658.494	-
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	279.980.551	279.980.551

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG (TIẾP)

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
- Công ty TNHH MTV Điện Lực Đà Nẵng	-	193.157.010
- Công ty thủy điện Đồng Nai	1.325.709.000	353.487.704
- Tập Đoàn Điện lực Việt Nam	-	290.745.000
- Công ty Truyền tải điện 1	355.454.876	1.467.796.028
- Công ty Truyền tải điện 2	-	19.235.499
- Công ty Truyền tải điện 3 - EVN	2.446.720.376	-
- CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - Cty TTĐ4	1.925.033.416	2.170.077.473
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	83.591.906	-
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 1	-	131.796.388
- Ban QLDA các CTĐ tỉnh Đồng Nai - ĐNPC	-	84.520.206

9. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Tại 31/12/2016	
	Số dư nợ quá hạn	Số trích lập
	VND	VND
Các khoản nợ quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	7.667.911.254	2.300.373.376,20
Các khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	250.450.595	125.225.297,50
Các khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	808.925.356	566.247.749,20
Các khoản nợ quá hạn trên 3 năm	4.140.416.304	4.140.416.304,00
Cộng	12.867.703.509	7.132.262.727
	Tại 01/01/2016	
	Số dư nợ quá hạn	Số trích lập
	VND	VND
Các khoản nợ quá hạn từ 6 tháng đến 1 năm	282.759.274	84.827.782
Các khoản nợ quá hạn từ 1 năm đến 2 năm	808.200.000	404.100.000
Các khoản nợ quá hạn từ 2 năm đến 3 năm	186.118.897	130.283.228
Các khoản nợ quá hạn trên 3 năm	6.460.847.127	6.460.847.127
Cộng	7.737.925.298	7.080.058.137

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Ngắn hạn	135.712.612	144.815.190
- Công cụ dụng cụ	94.720.612	115.321.526
- Chi phí phần mềm máy tính chờ phân bổ	9.100.000	-
- Chi phí khác	31.892.000	29.493.664
Dài hạn	2.346.708.977	2.993.746.138
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	2.281.307.852	2.633.180.336
- Chi phí chênh lệch khi xác định giá trị doanh nghiệp	-	141.584.552
- Chi phí phần mềm máy tính chờ phân bổ	65.401.125	218.981.250
Cộng	2.482.421.589	3.138.561.328

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

11. HÀNG TỒN KHO

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	118.724.380	-	72.960.635	-
Công cụ, dụng cụ	9.629.918	-	8.419.970	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	32.694.757.194	-	29.439.684.022	-
Cộng	32.823.111.492	-	29.521.064.627	-

12. TÀI SẢN DỒ DANG DÀI HẠN

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	-
b) Xây dựng cơ bản dở dang dài hạn	311.190.280	311.190.280	311.190.280	311.190.280
Dự án nhà điều hành sản xuất Xí nghiệp khảo sát ở Quận 2	311.190.280	311.190.280	311.190.280	311.190.280
Cộng	311.190.280	311.190.280	311.190.280	311.190.280

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2016	10.071.945.740	9.638.560.149	17.476.569.247	3.455.737.639	40.642.812.775
- Mua trong năm	-	310.922.728	3.168.563.637	458.282.590	3.937.768.955
- Đầu tư XDCB hoàn thành	3.124.085.284	-	-	-	3.124.085.284
- Thanh lý, nhượng bán	-	(30.617.300)	(952.344.937)	(178.345.260)	(1.161.307.497)
Tại 31/12/2016	13.196.031.024	9.918.865.577	19.692.787.947	3.735.674.969	46.543.359.517
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2016	(3.770.569.602)	(8.159.134.355)	(10.273.913.087)	(2.859.645.542)	(25.063.262.586)
- Khấu hao trong năm	(668.011.575)	(584.127.736)	(1.054.588.903)	(366.638.829)	(2.673.367.043)
- Thanh lý, nhượng bán	-	30.617.300	952.344.937	175.860.260	1.158.822.497
Tại 31/12/2016	(4.438.581.177)	(8.712.644.791)	(10.376.157.053)	(3.050.424.111)	(26.577.807.132)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2016	6.301.376.138	1.479.425.794	7.202.656.160	596.092.097	15.579.550.189
Tại 31/12/2016	8.757.449.847	1.206.220.786	9.316.630.894	685.250.858	19.965.552.385

Nguyên giá TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 12.798.387.395 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

14. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ			
Tại 01/01/2016	15.290.373.192	2.606.802.690	17.897.175.882
- Mua trong năm	10.121.100	589.542.397	599.663.497
- Thanh lý, nhượng bán	(4.880.645.000)	-	(4.880.645.000)
Tại 31/12/2016	10.419.849.292	3.196.345.087	13.616.194.379
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
Tại 01/01/2016	(867.782.185)	(2.343.747.428)	(3.211.529.613)
- Khấu hao trong năm	(190.352.082)	(360.902.606)	(551.254.688)
Tại 31/12/2016	(1.058.134.267)	(2.704.650.034)	(3.762.784.301)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2016	14.422.591.007	263.055.262	14.685.646.269
Tại 31/12/2016	9.361.715.025	491.695.053	9.853.410.078

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 2.423.877.719 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	6.575.795.150	6.575.795.150	4.322.049.111	4.322.049.111
- Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	4.218.352.058	4.218.352.058	1.711.597.689	1.711.597.689
- Công ty TNHH Kỹ thuật điện Phương Nam	498.325.674	498.325.674	338.703.750	338.703.750
- Ông Trần Kim Tuyến	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000
- Phải trả nhà cung cấp khác	1.859.117.418	1.859.117.418	1.271.747.672	1.271.747.672
b) Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-	-	-
d) Phải trả người bán là các bên liên quan	4.218.352.058	4.218.352.058	1.711.597.689	1.711.597.689
- Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	4.218.352.058	4.218.352.058	1.711.597.689	1.711.597.689

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Tại 01/01/2016	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Tại 31/12/2016
	VND	VND	VND	VND
Thuế và các khoản phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng đầu ra	4.995.791.690	20.917.348.723	22.294.445.681	3.618.694.732
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	798.374.701	3.402.091.820	3.182.819.585	1.017.646.936
- Thuế thu nhập cá nhân	229.084.837	4.697.054.187	3.643.486.962	1.282.652.062
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	28.914.424	28.914.424	-
- Thuế bảo vệ môi trường và các loại thuế khác	-	3.354.184.299	3.354.184.299	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	5.581.476	3.492.542	2.088.934
Cộng	6.023.251.228	32.405.174.929	32.507.343.493	5.921.082.664

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	6.782.365.633	4.880.162.188
- Trích chi phí cho các dự án, công trình	6.782.365.633	4.880.162.188
b) Dài hạn	-	-
Cộng	6.782.365.633	4.880.162.188

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn	7.708.667.401	6.969.637.961
- Kinh phí công đoàn	1.330.718.823	1.805.506.896
- Bảo hiểm xã hội	42.240.960	141.888.662
- Bảo hiểm y tế	96.765.230	26.969.478
- Bảo hiểm thất nghiệp	4.971.027	73.543.958
- Phải trả cổ tức cho cổ đông	557.988.525	693.696.175
- Phải trả CBCNV về hoàn tạm ứng chi phí	-	-
- Lương, chi phí khoán công trình phải trả	698.925.200	839.848.796
- Phải trả về thuế TNCN cho CBCNV	4.172.666.749	3.210.701.097
- Vay lại tiền lương khoán của các phòng ban trong Công ty	228.383.385	-
- Tạm ứng	405.715.043	-
- Phải trả về quy hoạch cho Trung tâm Điện lực Quảng Trị	87.923.979	87.923.979
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	82.368.480	89.558.920
b) Dài hạn	-	-
c) Số nợ quá hạn chưa thanh toán	-	-
Cộng	7.708.667.401	6.969.637.961

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Vốn điều lệ của Công ty là 40.571.640.000 đồng, chia thành 4.057.164 cổ phần, với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Tình hình góp vốn của các cổ đông như sau:

Chủ sở hữu	Tại 31/12/2016		Tại 01/01/2016	
	Tỷ lệ	Giá trị (VND)	Tỷ lệ	Giá trị (VND)
Tập đoàn điện lực Việt Nam	48,8%	19.789.880.000	48,8%	16.491.570.000
Tổng Công ty Điện lực TP.HCM	12,5%	5.065.660.000	12,5%	4.221.390.000
Cổ đông khác	38,7%	15.715.960.000	38,7%	13.096.900.000
Cổ phiếu quỹ	0,00%	140.000	0,00%	140.000
Cộng	100%	40.571.640.000	100%	33.810.000.000

Trong năm 2016, Công ty đã phát hành 676.164 cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương 6.761.640.000 đồng. Ngày 08/8/2016 là ngày giao dịch chính thức của cổ phiếu niêm yết bổ sung.

19.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, LỢI NHUẬN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	40.571.640.000	33.810.000.000
+ Vốn góp đầu năm	33.810.000.000	33.810.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	6.761.640.000	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	40.571.640.000	33.810.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1.690.493.000	5.747.676.200

19.3 CỔ PHIẾU

	Tại 31/12/2016 Cổ phiếu	Tại 01/01/2016 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.057.164	3.381.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.057.164	3.381.000
+ Cổ phiếu phổ thông	4.057.164	3.381.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	14	14
+ Cổ phiếu phổ thông	14	14
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.057.150	3.380.986
+ Cổ phiếu phổ thông	4.057.150	3.380.986
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.4 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Tại 01/01/2015	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	26.919.499.798	13.107.091.296	73.881.451.094
- Lãi trong năm	-	-	-	-	10.480.234.621	10.480.234.621
- Cổ tức đã công bố năm 2014	-	-	-	-	(5.747.676.200)	(5.747.676.200)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển 2014	-	-	-	3.890.000.000	(3.890.000.000)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng Ban điều hành năm 2014	-	-	-	-	(1.680.000.000)	(1.680.000.000)
Tại 31/12/2015	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	30.809.499.798	12.269.649.717	76.934.009.515
Tại 01/01/2016	33.810.000.000	45.000.000	(140.000)	30.809.499.798	12.269.649.717	76.934.009.515
- Lãi trong năm	-	-	-	-	12.897.378.770	12.897.378.770
- Chia cổ tức bằng cổ phiếu	6.761.640.000	-	-	-	(6.761.640.000)	-
- Cổ tức đã công bố năm 2015 (*)	-	-	-	-	(1.690.493.000)	(1.690.493.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển năm 2015 (*)	-	-	-	1.569.428.779	(1.569.428.779)	-
- Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2015 (*)	-	-	-	-	(1.050.000.000)	(1.050.000.000)
Tại 31/12/2016	40.571.640.000	45.000.000	(140.000)	32.378.928.577	14.095.466.708	87.090.895.285

(*) Căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên Công ty năm 2016 số 0051/NQ-TVĐ3 ngày 22 tháng 04 năm 2016, Công ty đã thực hiện trích lập các quỹ, chia cổ tức bằng tiền mặt với tỷ lệ 5% và chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 20%.

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

19.5 CÁC QUỸ

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	32.378.928.577	30.809.499.798

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
a) Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	998.521.495	998.521.495
b) Ngoại tệ các loại:	-	-
- Đồng Đô la Mỹ (USD)	1.296.054,62	1.252.532
- Đồng Euro (EUR)	68.220,25	28.931

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
a) Doanh thu	307.539.895.943	260.715.364.428
- Doanh thu hoạt động khảo sát, thiết kế	307.539.895.943	260.715.364.428
b) Doanh thu với các bên liên quan	239.856.657.069	176.479.103.837
- Ban QLDA Điện lực miền Nam	5.480.150.786	8.312.722.441
- Ban QLDA lưới điện - Tổng Cty Điện lực miền Bắc	705.883.032	-
- Ban QLDA lưới điện miền Trung	3.837.682.385	19.033.432
- Ban QLDA lưới điện TP Hà Nội	67.296.696	-
- Ban QLDA lưới điện TPHCM	5.181.405.603	9.513.277.579
- Ban QLDA nhiệt điện 2	402.116.792	3.169.524.995
- Ban QLDA nhiệt điện 3	56.388.518.727	25.004.599.590
- Ban QLDA thủy điện 1	363.220.324	4.499.186.719
- Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	1.508.983.636	1.132.597.273
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc	5.060.097.713	1.628.657.439
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam	39.194.069.671	54.902.982.558
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Trung	16.295.910.983	17.259.232.411
- CN Tổng Công ty phát điện 1 - Công ty thủy điện Đồng Nai	1.205.190.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sesan 3A	773.592.651	-
- Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	440.717.366	-
- Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	4.916.557.193	1.358.884.652

21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (TIẾP)

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
- Công ty CP Thủy điện Miền Nam	298.812.000	-
- Công ty CP thủy điện Miền Trung	489.000.000	-
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	1.197.750.909	2.799.331.819
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 2	1.977.362.384	-
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	13.325.904	-
- Công ty Thủy điện Buôn Kốp	1.131.445.200	-
- Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	244.468.646	-
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	978.451.150	1.610.755.450
- Công ty Truyền tải Điện 1	772.792.838	2.538.615.618
- Công ty Truyền tải Điện 2	781.353.133	-
- Công ty Truyền tải Điện 3	13.280.003.028	5.031.031.682
- Công ty truyền tải điện 4	4.519.899.769	6.130.406.683
- Điện lực Long An	351.966.956	-
- Tập Đoàn Điện lực Việt Nam - Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	68.669.014.984	24.848.882.983
- Tổng công ty Phát điện 1	3.121.955.739	984.344.481
- Tổng công ty Phát điện 3	207.660.871	570.992.954
- Ban QLDA nhà máy thủy điện Đồng Nai 5	-	4.036.419.272
- Ban QLDA thủy điện Sông Bung 4	-	18.187.732
- Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	-	226.956.447
- Công ty Điện lực Gò Vấp	-	178.290.805
- VP Dự án XD nhà máy nhiệt điện Nghi	-	100.000.000
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 1	-	119.814.898
- Công ty lưới điện cao thế TP.HCM	-	220.060.288
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	264.313.636

22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Các khoản giảm trừ doanh thu	657.704.809	-
Trong đó:		
+ Chiết khấu thương mại	-	-
+ Giảm giá hàng bán	657.704.809	-
+ Hàng bán bị trả lại	-	-

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Giá vốn hoạt động khảo sát thiết kế	237.153.469.542	202.678.319.445
Cộng	237.153.469.542	202.678.319.445

24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	521.558.815	1.417.768.090
Cổ tức, lợi nhuận được chia	73.248.000	39.240.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	38.482.359	103.966.303
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối năm	617.715.403	1.197.757.938
Cộng	1.251.004.577	2.758.732.331

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	372.590.334	110.664.636
Cộng	372.590.334	110.664.636

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	45.109.817.364	38.038.167.965
- Chi phí nhân viên quản lý	21.862.811.436	17.570.477.899
- Chi phí vật liệu quản lý	1.061.163.862	666.308.589
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.200.475.890	1.535.916.233
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.401.025.067	1.271.359.254
- Thuế, phí và lệ phí	33.914.424	9.398.814
- Chi phí dự phòng	57.018.797	403.381.155
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.476.857.847	8.336.358.900
- Chi phí bằng tiền khác	6.547.810.166	5.864.257.427
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	2.468.739.875	2.380.709.694
b. Các khoản chi phí bán hàng	9.916.812.849	8.677.484.640
- Chi phí dịch vụ bưu chính	41.968.286	41.095.344
- Chi phí bán hàng khác	9.874.844.563	8.636.389.296
c. Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	-	-

27. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi thanh lý, nhượng bán TSCĐ	207.102.272	102.727.272
Lãi từ chuyển nhượng quyền sử dụng đất	1.200.252.273	-
Thanh lý công cụ, dụng cụ	54.513.706	15.572.727
Thu nhập từ công nợ không phải trả	-	289.349.090
Hoàn nhập chi phí đã trích trước	-	57.073.789
Thuế TNCN của người lao động	-	172.636.781
Thu nhập khác	-	7.579.788
Cộng	1.461.868.251	644.939.447

28. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí từ công nợ không thu được xử lý	-	89.000.000
Chi phí truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế	6.878.476	307.512.995
Chi phí tiền thi công xử lý lún nền TBA110kV Huế 3	109.090.909	-
Chi phí phạt vi phạm hợp đồng	571.933.898	118.423.495
Chi phí khác	55.000.000	62.559.119
Cộng	742.903.283	577.495.609

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	16.299.470.590	14.036.903.911
Điều chỉnh tăng các khoản thu nhập chịu thuế	1.390.739.414	2.111.934.753
- Thù lao Hội đồng quản trị	180.000.000	180.000.000
- Chi phí không được trừ	12.981.476	416.512.995
- Chi phí trích lập dự phòng của các khoản công nợ không có đối chiếu	-	1.357.474.232
- Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm trước	1.197.757.938	157.947.526
Điều chỉnh giảm các khoản thu nhập chịu thuế	(690.963.403)	(1.371.997.938)
- Chi phí phải trả năm trước	-	(135.000.000)
- Lợi nhuận cổ tức được chia	(73.248.000)	(39.240.000)
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm nay	(617.715.403)	(1.197.757.938)
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	16.999.246.601	14.776.840.726
Thuế suất	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	3.399.849.320	3.250.904.960
Thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung năm trước	2.242.500	305.764.330
Chi phí thuế TNDN hiện hành	3.402.091.820	3.556.669.290

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	12.897.378.770	10.480.234.621
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
<i>Lãi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm các khoản mục tiền tệ (VND)</i>	(617.715.403)	(1.197.757.938)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	12.279.663.367	9.282.476.683
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.289.737.877)	(1.050.000.000)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP) (**)	4.057.150	4.057.150
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	2.709	2.029

30. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU (TIẾP)

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 được xác định theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế trong kỳ, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 0051/NQ-TVĐ3 ngày 22 tháng 04 năm 2016.

Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 là số tạm tính trên cơ sở 10% lợi nhuận năm nay, để làm cơ sở tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu nhằm đảm bảo thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

(**) Trong năm 2016, Công ty đã phát hành 676.164 cổ phiếu để chia cổ tức với tỷ lệ 20%. Do đó, số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2015 được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30.

31. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2016	Năm 2015
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	12.897.378.770	10.480.234.621
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho	(617.715.403)	(1.197.757.938)
<i>Lãi đánh giá lại chênh lệch tỷ giá cuối năm các khoản mục tiền tệ (VND)</i>	<i>(617.715.403)</i>	<i>(1.197.757.938)</i>
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	12.279.663.367	9.282.476.683
Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(1.289.737.877)	(1.050.000.000)
Số bình quân giá quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong năm (CP) (**)	4.057.150	4.057.150
Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm (CP)	-	-
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND/CP)	2.709	2.029

(*) Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2015 được xác định theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế trong kỳ, căn cứ Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 số 0051/NQ-TVĐ3 ngày 22 tháng 04 năm 2016.

Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2016 là số tạm tính trên cơ sở 10% lợi nhuận năm nay, để làm cơ sở tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu nhằm đảm bảo thông tin so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp.

(**) Trong năm 2016, Công ty đã phát hành 676.164 cổ phiếu để chia cổ tức với tỷ lệ 20%. Do đó, số cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm 2015 được điều chỉnh hồi tố theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30.

32. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	9.432.863.754	9.244.712.047
Chi phí nhân công	192.819.095.312	122.616.051.185
Khấu hao tài sản cố định	4.079.937.348	2.686.230.895
Chi phí dịch vụ mua ngoài	190.484.974.165	82.090.151.341
Chi phí bằng tiền khác	79.737.517.408	34.444.981.800
Cộng	476.554.387.987	251.082.127.268

33. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được, tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Phần lớn hoạt động kinh doanh của Công ty không bị ảnh hưởng bởi các yếu tố địa lý vùng miền cũng như đối tượng khách, toàn bộ phát sinh tại Việt Nam. Vì vậy, Công ty xác định không có sự khác biệt về khu vực địa lý cho toàn bộ các hoạt động của Công ty.

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là tư vấn khảo sát thiết kế, theo đó, toàn bộ doanh thu phát sinh trong năm của Công ty là doanh thu liên quan đến hoạt động này. Vì vậy, Công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận trong báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2016.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.14.

Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính (“Thông tư 210”) yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Tuy nhiên, Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính, cũng như không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế. Do đó, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.420.409.305	51.134.559.843
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	817.090.000	5.990.206.666
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.811.505.120	78.728.573.342
Đầu tư dài hạn	19.450.000.000	11.350.000.000
Cộng	180.499.004.425	147.203.339.851
	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	12.404.051.468	9.243.778.078
Chi phí phải trả	6.782.365.633	4.880.162.188
Cộng	19.186.417.101	14.123.940.266
Trạng thái ròng	161.312.587.324	133.079.399.585

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty không sử dụng tài sản tài chính để thế chấp.

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác vào ngày 31/12/2016.

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá trên các giao dịch mua và bán bằng các đồng tiền tệ không phải là đồng Việt Nam. Các ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD").

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái. Công ty có phát sinh giao dịch với các đối tác nước ngoài, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Ban Tổng Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ tài chính phòng ngừa rủi ro có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

RỦI RO THỊ TRƯỜNG (TIẾP)

	Tại ngày 31/12/2016			
	Tiền gốc ngoại tệ		VNĐ tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.252.532,32	68.220,25	29.449.490.302	5.253.403
+ Tiền gửi ngân hàng	1.296.054,62	220,25	29.449.490.302	5.440.395
+ Tương đương tiền	-	68.000	-	1.621.936.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	68.000	-	1.621.936.000
Phải thu ngắn hạn khác	227.095,00	-	5.161.869.350	-
Cộng	1.479.627,32	136.220,25	34.611.359.652	1.627.189.403
Nợ tài chính				
Cộng	-	-	-	-
Mức rủi ro tiền tệ	1.479.627,32	136.220,25	34.611.359.652	1.627.189.403

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi. Tuy nhiên, Công ty không chịu rủi ro lãi suất do trong năm Công ty không có các khoản vay.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty đã trích lập dự phòng rủi ro với các khách hàng có khả năng không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng và có thể gây ra các tổn thất tài chính cho Công ty.

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

**34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)
QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả cũng như trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	12.404.051.468	-	12.404.051.468
Chi phí phải trả	6.782.365.633	-	6.782.365.633
Cộng	19.186.417.101	-	19.186.417.101
Tại 01/01/2016			
Phải trả người bán và phải trả khác	9.243.778.078	-	9.243.778.078
Chi phí phải trả	4.880.162.188	-	4.880.162.188
Cộng	14.123.940.266	-	14.123.940.266

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

34. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

	Từ 01 năm trở xuống VND	Trên 01 năm đến 05 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	79.420.409.305	-	79.420.409.305
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	817.090.000	-	817.090.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	80.658.505.120	153.000.000	80.811.505.120
Đầu tư dài hạn	-	19.450.000.000	19.450.000.000
Cộng	160.896.004.425	19.603.000.000	180.499.004.425
Tại 01/01/2016			
Tiền và các khoản tương đương tiền	51.134.559.843	-	51.134.559.843
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.990.206.666	-	5.990.206.666
Phải thu khách hàng và phải thu khác	78.575.573.342	153.000.000	78.728.573.342
Đầu tư dài hạn	-	11.350.000.000	11.350.000.000
Cộng	135.700.339.851	11.503.000.000	147.203.339.851

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

35.1 THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
Doanh thu với các bên liên quan	239.856.657.069	176.479.103.837
- Ban QLDA Điện lực miền Nam	5.480.150.786	8.312.722.441
- Ban QLDA lưới điện - Tổng Cty Điện lực miền Bắc	705.883.032	-
- Ban Q Ban QLDA lưới điện miền Trung	3.837.682.385	19.033.432
- Ban Q Ban QLDA lưới điện TP Hà Nội	67.296.696	-
- Ban Q Ban QLDA lưới điện TPHCM	5.181.405.603	9.513.277.579
- Ban Q Ban QLDA nhiệt điện 2	402.116.792	3.169.524.995
- Ban Q Ban QLDA nhiệt điện 3	56.388.518.727	25.004.599.590
- Ban Q Ban QLDA thủy điện 1	363.220.324	4.499.186.719
- Ban Q Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	1.508.983.636	1.132.597.273
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Bắc	5.060.097.713	1.628.657.439
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền Nam	39.194.069.671	54.902.982.558
- Ban quản lý dự án các công trình điện miền T	16.295.910.983	17.259.232.411
- CN Tổng Công ty phát điện 1 - Công ty thủy điện Đồng Nai	1.205.190.000	-
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển điện Sesan 3A	773.592.651	-
- Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	440.717.366	-
- Công ty CP Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mí	4.916.557.193	1.358.884.652
- Công ty CP Thủy điện Miền Nam	298.812.000	-
- Công ty CP thủy điện Miền Trung	489.000.000	-
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	1.197.750.909	2.799.331.819
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 2	1.977.362.384	-
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	13.325.904	-
- Công ty Thủy điện Buôn Kốp	1.131.445.200	-
- Công ty TNHH MTV - Tổng Công ty Phát điện 3	244.468.646	-
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	978.451.150	1.610.755.450
- Công ty Truyền tải Điện 1	772.792.838	2.538.615.618
- Công ty Truyền tải Điện 2	781.353.133	-
- Công ty Truyền tải Điện 3	13.280.003.028	5.031.031.682
- Công ty truyền tải điện 4	4.519.899.769	6.130.406.683
- Điện lực Long An	351.966.956	-
- Tập Đoàn Điện lực Việt Nam - Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	68.669.014.984	24.848.882.983

Giao dịch với các bên liên quan (tiếp)

	Năm 2016	Năm 2015
	VND	VND
- Tổng công ty Phát điện 1	3.121.955.739	984.344.481
- Tổng công ty Phát điện 3	207.660.871	570.992.954
- Ban QLDA nhà máy thủy điện Đồng Nai 5	-	4.036.419.272
- Ban QLDA thủy điện Sông Bung 4	-	18.187.732
- Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	-	226.956.447
- Công ty Điện lực Gò Vấp	-	178.290.805
- VP Dự án XD nhà máy nhiệt điện Nghi Sơn	-	100.000.000
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 1	-	119.814.898
- Công ty lưới điện cao thế TP.HCM	-	220.060.288
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	264.313.636
Mua hàng với các bên liên quan	6.742.260.576	4.181.402.146
- Công ty CP EVN Quốc Tế	640.290.528	1.675.794.695
- Điện lực Sài Gòn	448.358.617	723.789.269
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mí	4.279.242.190	1.781.818.182
- Công ty CP Tư vấn XD điện 1	1.374.369.241	-
Trả cổ tức	824.578.500	4.197.878.381
- Tập đoàn Điện lực Việt Nam	824.578.500	3.480.242.081
- Tổng Công ty Điện lực TP.HCM	-	717.636.300

Số dư với các bên liên quan

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Các khoản phải thu		
Phải thu khách hàng	45.674.873.809	36.336.862.815
- Điện lực Long An - PC 2	387.163.652	-
- Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	943.342.059	537.202.856
- Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	3.282.726.096	221.513.591
- Ban QLDA các công trình điện miền Nam	10.463.565.991	12.897.493.871
- Ban QLDA các công trình điện miền Trung	2.254.439.706	3.639.871.294
- Ban QLDA lưới điện - Tổng Cty Điện lực miền Bắc	141.471.335	-
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	146.866.650	91.713.441
- Ban QLDA Lưới điện TP Hà Nội	74.026.366	-
- Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	924.825.245	1.184.083.720

Số dư với các bên liên quan (tiếp)

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
- Ban QLDA nhà máy thủy điện Sơn La	14.246.200	-
- Ban QLDA NMTĐ Đồng Nai 5	-	5.332.951.404
- Ban QLDA nhiệt điện 3	13.698.457.096	-
- Ban QLDA nhiệt điện 2	-	38.203.000
- Ban QLDA nhiệt điện Vĩnh Tân	682.885.675	479.128.000
- Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	1.264.489.054	1.263.941.474
- Ban QLDA thủy điện 1	2.215.549.877	3.792.729.331
- Ban QLDA Thủy điện 6	-	1.082.778.930
- Ban QLDA Thủy điện Sông Bung 4	20.006.505	20.006.505
- Công ty CP ĐT&PT Điện Sê San 3A	335.951.916	-
- Công ty CP ĐTKD Điện lực TPHCM	139.846.386	139.846.386
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 2	925.990.029	55.950.580
- Công ty CP thủy điện Đắc Nông	50.000.000	-
- Công ty CP Thủy điện miền Nam	38.522.610	-
- Công ty CP Thủy điện miền Trung	537.900.000	164.850.635
- Công ty CP thủy điện Vĩnh Sơn-Sông Hinh	334.679.100	390.516.000
- Công ty lưới điện Cao Thế Miền Trung	353.487.704	-
- Công ty Lưới điện cao thế TPHCM	13.285.938	13.285.938
- Công ty Nhiệt điện Phú Mỹ	14.658.494	-
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận- Đa Mĩ	279.980.551	279.980.551
- Công ty TNHH MTV Điện Lực Đà Nẵng	-	193.157.010
- Công ty thủy điện Đồng Nai	1.325.709.000	353.487.704
- Tập Đoàn Điện lực Việt Nam	-	290.745.000
- Công ty Truyền tải điện 1	355.454.876	1.467.796.028
- Công ty Truyền tải điện 2	-	19.235.499
- Công ty Truyền tải điện 3 - EVN	2.446.720.376	-
- CN Tổng công ty truyền tải điện Quốc Gia - Cty TTĐ4	1.925.033.416	2.170.077.473
- Công ty TNHH MTV Điện lực Đà Nẵng	83.591.906	-
- Công ty CP Tư vấn XD Điện 1	-	131.796.388
- Ban QLDA các CTĐ tỉnh Đồng Nai - ĐNPC	-	84.520.206

Số dư với các bên liên quan (tiếp)

	Tại 31/12/2016 VND	Tại 01/01/2016 VND
Trả trước người bán	251.384.962	533.640.799
- Công ty CP EVN Quốc Tế	251.384.962	533.640.799
- Điện lực Sài Gòn	7.255.985	439.171
Các khoản phải trả		
Phải trả người bán	4.218.352.058	1.711.597.689
- Công ty thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận - Đa Mi	4.218.352.058	1.711.597.689
Người mua trả tiền trước	55.363.360.943	45.617.278.849
- Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	14.100.325.501	15.699.517.308
- Ban QLDA CTTĐ Miền Nam	5.931.215.633	1.162.056.218
- Ban QLDA Lưới điện TP.HCM	3.310.073.432	3.193.482.652
- Ban QLDA Lưới điện - Tổng Cty Điện lực		141.000.000
- Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	5.334.164.494	1.958.000.000
- Ban QLDA CTTĐ Miền Trung	3.371.658.552	1.178.536.163
- Ban QLDA Điện lực Miền Nam - Tổng Công ty Điện lực Miền Nam	9.965.903.162	2.534.483.754
- Điện lực Bình Dương	44.597.000	44.597.000
- Trung tâm tư vấn xây dựng điện HCMPC	12.899.005	12.899.005
- Ban QLDA Nhiệt điện 2	24.101.177	-
- Ban QLDA Nhiệt điện 3	9.042.764.122	18.684.724.532
- Ban QLDA Thủy Điện 1	-	602.884.808
- Công ty CP Thủy điện Miền Nam	118.800.000	-
- Tổng Công ty Điện lực TPHCM	12.500.000	12.500.000
- Công ty CP ĐT&PT Điện Sờ San 3A	222.242.625	-
- Ban QLDA nhà máy thủy điện Đồng Nai 5	-	150.840.909
- Công ty CP Nhiệt điện Bà Rịa	241.756.500	241.756.500
- Công ty Thủy điện Sông Bung	115.665.598	-
- Công ty Truyền tải điện 3 - EVN	468.773.467	-
- CN Tổng cộng ty truyền tải điện Quốc Gia - CtyTTĐ4	662.500.000	-
- Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	1.571.000.000	-
- Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	812.420.675	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tổng thu nhập của HĐQT, BKS và Ban Tổng giám đốc	3.165.863.711	2.678.843.060

35.2 NHỮNG KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Không có khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

35.3 CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Công ty thuê nhà tại số 32 Ngô Thời Nhiệm để xây dựng Văn phòng làm việc. Theo đó, các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động thể hiện cam kết phải trả cho việc thuê trụ sở kinh doanh tại địa chỉ số 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường 6, Quận 3, TP.HCM căn cứ theo Hợp đồng thuê nhà số 338/HĐTN-KD ngày 30/12/2011 và Phụ lục Điều chỉnh Hợp đồng thuê nhà số 293/ĐC-HĐTN ngày 24/12/2013 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP.HCM, thời hạn thuê được gia hạn 3 năm, từ ngày 01/01/2014 đến 31/12/2016. Căn cứ Phụ lục số 10 ngày 11/01/2017, thời hạn thuê được gia hạn từ ngày 01/01/2017 đến 31/12/2018. Cụ thể như sau:

	Tại 31/12/2016	Tại 01/01/2016
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	3.346.909.091	1.374.545.456
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	3.346.909.091	6.693.818.182
Cộng	<u>6.693.818.182</u>	<u>8.068.363.638</u>

35.4 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

35.5 THÔNG TIN HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

35.6 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính tổng hợp cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015 của Công ty đã được kiểm toán. Một số chỉ tiêu so sánh đã được tính toán lại như được nêu tại mục 30 và 31 của Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp, cụ thể như sau:

Báo cáo kết quả kinh doanh	Mã số	Năm 2015	Năm 2015
		<i>theo BCTC 31/12/2015 đã kiểm toán</i>	<i>sau điều chỉnh</i>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.790	2.029
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	2.790	2.029

Ghi chú: Toàn bộ báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán được đăng trên địa chỉ Website: www.pecc3.com.vn

